

HỒ CHÍ MINH KHÔNG PHẢI LÀ TÁC GIẢ “NGỤC TRUNG NHẬT KÝ”

Giáo Sư LÊ HỮU MỤC

LAI LỊCH BẤT MINH CỦA NGỤC TRUNG NHẬT KÝ

Đây là tất cả lịch sử của cuốn *Ngục Trung Nhật Ký*: Sau 1945 có một người từ miền núi về Thủ Đô run run giao cho nhà cầm quyền một cuốn sổ tay bìa xanh đã bạc màu, bảo đó có lẽ là tập thơ của một chiến sĩ cách mạng nào đó. Cuốn sổ được trao lại cho Viện Bảo Tàng Cách Mạng Việt Nam cất giữ tại Phòng Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc Phản Đế và Mặt Trận Việt Minh.

Không ai biết danh tính người nông dân miền núi đó, cũng không ai nói là lòng tốt của anh, hay ít nhất chuyển đi xa của anh từ miền núi về đến đồng bằng, rồi từ đồng bằng về đến Thủ Đô có được đền bù hay không, người ta cũng không biết đến tên tuổi của người đứng ra nhận quyển sổ, ngày nhận quyển sổ đó, không ai thêm ghi ?

Như thế là thế nào ? Như thế có nghĩa là cuốn sổ đó nhất định không mang tên Hồ chí Minh, nhất định không, bởi vì con người lúc nào cũng chủ trương “không có, không thấy, không biết” ấy đại gì mà để tên mình vào một cuốn sổ cho kẻ thù của mình biết. Chữ viết nhất định cũng không phải của Hồ chí Minh, vì nếu nghi ngờ là của Hồ chí Minh thì những ông Phạm văn Đồng, Võ nguyên Giáp, Vũ Anh đã nhận ra cũng như năm 1943, họ đã nhận ra chữ họ Hồ trong bài. *Tân xuất ngục, học đặng sơn* (Mới ra tù, tập leo núi). Những đề tài ghi trong cuốn sổ chắc cũng không có gì đặc biệt bởi vì từ 1945 đến 1959, không một chuyên viên nào trong Viện Bảo Tàng Cách Mạng Việt Nam (Viện Louis Finot cũ) đã lưu ý đến nó. Trần dân Tiên, mà mãi đến nay ta mới biết chính là Hồ chí Minh, ngay từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp, đã viết *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, kể khá tỉ mỉ về thời gian Hồ chí Minh bị giam trong các nhà tù ở Quảng Tây, cũng cho biết ở trong tù Hồ có làm thơ, nhưng Trần dân Tiên không nói đến tập thơ. Tố Hữu trong báo cáo đọc trước đại hội lần thứ hai của đảng, tháng 2.1951, hết lời ca ngợi văn Hồ Chủ Tịch trong những quyển sách giáo dục tư tưởng, trong những lời hiệu triệu, những bức thư...nhưng hoàn toàn không nói đến truyện, cũng không nói đến thơ. Không ai biết “bác” có tập thơ. Mãi đến năm 1958, sau khi đã dẹp xong vụ *Nhân Văn-Giai Phẩm*, và để đề phòng những vụ nổi dậy khác có thể bùng nổ bất cứ lúc nào, Trung Ương Đảng Cộng Sản trong đó có ủy viên chính thức Tố Hữu, anh hùng trong vụ dẹp *Nhân Văn-Giai Phẩm* vừa qua, mới nhận thấy nhu cầu cấp bách là phải tăng cường tập trung quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay lãnh tụ.

Cho đến năm 1958, Hồ Chí Minh chỉ mới viết được khoảng trên dưới 30 bài văn vắn, phần nhiều là những bài về kháng chiến mà giá trị thi ca khó được những nhà thơ nhà văn như Hoàng Cầm, Trần Dần, Văn Cao, Nguyễn Mạnh Tường chấp nhận.

Làm sao cho tổng số các bài thơ được nhiều hơn gấp đôi gấp ba ? Làm sao cho các bài thơ thực sự có chất thơ xứng đáng là tập thơ của một người cộng sản vĩ đại, hơn nửa thế kỷ đã không ngừng phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, cho tổ quốc, cho loài người ? Thế là họ nghĩ ngay đến cuốn sổ tay vô danh bìa màu xanh, họ kéo nó ra khỏi giấc ngủ

yên lành của nó trong Viện Bảo Tàng Cách Mạng, họ chuẩn bị mọi cách để có thể giao cho nó thi hành một nhiệm vụ lịch sử độc đáo: Nhiệm vụ khẳng định và đề cao thi tài của lãnh tụ Hồ chí Minh "muôn vạn kính yêu".

Ta thử nhìn cuốn sổ tay gần hơn, tờ bìa màu xanh đã bạc màu, vào năm 1945 mà nó đã bạc màu thì cuốn sổ này, nếu là của Hồ chí Minh, thì nó phải ở trong tay ông đã lâu, ít nhất là phải mười, mười lăm năm về trước. Trong đầu cuốn sổ ghi bốn chữ Hán *Ngục Trung Nhật Ký* dưới bốn chữ này là hai hàng số 29.8.1932/10.9.1933, không biết là tác giả hay ai ghi, ở dưới hai hàng số là một bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt vần trắc, kèm theo một hình vẽ hai nắm tay bị xích đang giơ lên cao.



Phần bên trong có tất cả 47 trang ghi hơn 100 bài thơ. Những trang cuối ghi một số mục nhỏ có tính chất thời sự. Tên tác giả hoàn toàn không có.

Viện Văn Học được giao trách nhiệm tổ chức việc dịch tập thơ từ chữ Hán ra tiếng Việt. Nhiều nhà thơ (Tố Hữu, Nam Trân...), nhiều nhà văn (như Đặng Thái Mai, Hoài Thanh) đã tham gia phiên dịch hoặc hiệu đính bản dịch xuôi và dịch thơ. Người đóng góp nhiều nhất là nhà thơ Nam Trân, tác giả *Huế. đẹp và thơ* (1939), lúc ông là ủy viên ban Chấp Hành Hội Nhà Văn Việt Nam, về công tác tại Viện Văn Học phụ trách tiểu ban dịch tập thơ chữ Hán *Ngục Trung Nhật Ký* ra tiếng Việt. Công tác dịch bắt đầu từ năm 1959, đầu năm 1960 thì xong, tác phẩm mang tên Việt Nam là *Nhật Ký Trong Tù*, tác giả là Hồ chí Minh, phần chữ Hán do Phạm phú Tiết viết, nền vẽ của Họa Sĩ Nguyễn đỗi Cung, bìa do Họa Sĩ Phạm Hoàng trình bày, in xong đúng vào dịp mừng Hồ chí Minh 70 tuổi Hoài Thanh cho biết: "Tập *Ngục Trung Nhật Ký* ngay từ lần đầu đã in trên 50 vạn bản mà vẫn không đủ đáp ứng yêu cầu của người đọc...Chúng ta không những muốn đọc mà còn muốn nghe ngâm, nghe nói. Từ ngày *Ngục Trung Nhật Ký* ra đời, đã có hàng ngàn cuộc nói chuyện ở các đơn vị bộ đội, các cơ quan, các hội nghị, các trường học, các xí nghiệp, các hợp tác xã ở khắp nơi. Hàng triệu người đã say sưa nghe thơ Bác. Có người nghe đi nghe lại đến mấy lần. Có nhiều người đã khóc vì thương Bác muốn cứu mình mà phải chịu nhiều khổ nạn...Đó là ở trong nước. Ở ngoài nước, tập thơ vừa

ra mắt bạn đọc là liền được dịch, được giới thiệu, được nhiệt liệt hoan nghênh ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em như Liên Xô, Cu Ba, Đông Đức, Tiệp Khắc, Ba Lan, Lỗ-ma-ni.v.v...hoặc cả ở các nước tư bản như Anh, Pháp, Ý, kể cả Mỹ. Tập thơ đã có tác dụng làm xáo trộn nhiều tâm hồn, người ta yên lặng nghe hết những âm vang của tập thơ và nghe những âm vang ấy cứ ngân dài mãi”.

Từ ngày 19.5.1960 trở đi, tác giả tập thơ *Ngục Trung Nhật Ký* đã được khẳng định dứt khoát là Hồ Chí Minh, và đây là một thành công vĩ đại của Ban Tuyên Giáo. Ta hãy nghe Viện Văn Học giới thiệu tuyệt tác này của họ: “Đó là cuốn sổ tay của Hồ Chủ Tịch gồm những bài thơ mà Người đã viết trong cảnh lao tù từ mùa Thu 1942 đến mùa Thu 1943”. Viện Văn Học nhấn mạnh về hoàn cảnh sáng tác tập thơ: “Tháng 8.1942, vị lãnh tụ của chúng ta trên đường công tác, đi từ Cao Bằng sang Trung Quốc, đã bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt vừa lúc qua khỏi biên giới Việt-Trung và bị giải lui tới hơn một năm trời qua mấy chục nhà lao Tỉnh Quảng Tây.

Qua sự dàn dựng rất công phu và có tính sáng tạo rất cao của Viện Văn Học, các bài thơ được diễn ra theo một trình tự thời gian vô cùng chặt chẽ. Đầu tiên là ngày Hồ bị bắt ở phố Túc Vinh, được xác định là ngày 29.8.42 (bài số 3), những ngày bị giải về nhà lao Tỉnh Tây gần biên giới Việt Nam (các bài số 4-25) ngày 10.10.42 bị gửi trả về nhà lao Thiên Bảo (bài số 26), từ đó bị giải đến nhà lao Long Xuyên (bài số 29), Điền Đông (bài số 30), Quả Đức (số 37), Long An (số 40), đến nhà lao Đồng Chính là ngày 2.11.42, rồi đi Nam Ninh, ở đó vào những ngày 11, 12, 14 tháng 11 năm 42 (các bài số 67, 68, 69, 70), đến 18.11.42 bị giải đi Vũ Ninh (bài số 76), Bào Hông (bài 77), ngày 22.11.42 đến nhà lao Tân Dương (bài 81), đến Lai Tân bằng xe lửa (bài 86), sau đó đến Liễu Châu vào ngày 9.12.42 sau khi đã bị bắt hơn 100 ngày (bài số 89). Bài số 93 còn cho biết rõ vào ngày 29.12.42, tác giả đã bị bắt bốn tháng, bị giam ở nhà lao Quế Lâm 40 ngày, tức là mãi cho đến 24.3.43 mới lại trở về nhà giam Liễu Châu lần thứ hai, ở đó ăn Tết Thanh Minh ngày 6.4.43 (bài 101) đến đầu mùa Thu, tức ngày 8.8.43 (bài số 107, 108) cho đến ngày kỷ niệm một năm bị bắt, tức là ngày 29.8.43 (bài số 110). Sau đó là những ngày cuối cùng trong tù, kể từ ngày 30.8.43 đến ngày 10.9.43 (các bài số 111, 112, 113).

Trình tự thời gian này làm mốc cho 112 bài thơ rõ rệt có nội dung liên hệ tới lao tù: Những cảnh sinh hoạt hằng ngày của tù nhân, tình huống và tâm tư của họ. Những cảnh những việc gặp trên các nẻo đường chuyển lao. Suy nghĩ và cảm xúc của nhà thơ trong những ngày bị giam cầm v.v...nội dung tập thơ đã được Nguyễn hoành Khung chính thức phân tích trong *Tự Điển Văn Học*. Ta có thể tóm lược những ý chính như sau:

Trước hết, tập thơ thể hiện một tấm lòng nhân ái sâu xa: Tác giả ít nói đến những đau khổ ghê gớm của mình, chỉ nói đến những niềm vui, nỗi khổ của những người chung quanh, quan tâm chu đáo đến đời sống cụ thể của mọi người, của những tù nhân thuộc lớp dưới đáy cận bã của xã hội Tưởng Giới Thạch, phân biệt họ với bọn tù nhà giàu ngày ngày no rượu thịt.

- Trên đường chuyển lao, nhà thơ chia sẻ vui buồn với người nông dân đang lao động trên đồng ruộng, người phu đường dải nắng dầm mưa vất vả, cô gái nghèo xay ngô xóm núi... Chính trên cơ sở lòng nhân ái sâu rộng mang tính chất chiến đấu mạnh mẽ đó, nhà thơ đã viết nhiều bài thơ châm biếm sắc sảo, đả kích thâm thúy chế độ nhà tù Tưởng Giới Thạch, hình ảnh thu nhỏ của xã hội Trung Quốc thối nát khi đó.

- Trong suốt chuỗi ngày bị tù, nỗi niềm thương nhớ đất nước và khao khát tự do để trở về chiến đấu luôn luôn ám ảnh, day dứt nhà thơ yêu nước...Lời thơ càng ngày càng cảm uất, nghẹn ngào, biểu lộ niềm khát khao chiến đấu đến cháy ruột của người chiến sĩ mà lẽ sống đấu tranh đã trở thành máu thịt.

- Một điểm nổi bật nữa trong *Ngục Trung Nhật Ký* là tinh thần chiến thắng, chủ nghĩa lạc quan cách mạng, làm nên ánh sáng tràn ngập mỗi trang thơ. Đó là tiếng cười hồn nhiên khỏe mạnh cất lên giữa cảnh ngộ vô vàn khổ cực...Đó là hình ảnh lồng lộng, ung dung tự tại của nhà thơ...của một người chiến thắng, thật sự làm chủ bản thân, là người tự do, một ông tiên.

- Cuối cùng, *Ngục Trung Nhật Ký* còn mang ý nghĩa một tuyên ngôn thi ca: "Nay ở trong thơ nên có thép, Nhà thơ cũng phải biết xung phong". *Ngục Trung Nhật Ký* đã thể hiện sáng người chất thép cách mạng đó...Đó là chất thép rất ngọt, thép mà thơ, thể hiện bản lĩnh tuyệt vời của người chiến sĩ cộng sản vĩ đại mang tâm hồn một nhà thơ lớn...

Nguyễn hoàng Khung kết luận: "Việc xuất bản *Ngục Trung Nhật Ký* trở thành một sự kiện quan trọng trong đời sống văn học của dân tộc. Từ đó, tác phẩm đã gắn bó thân thiết với quần chúng nhân dân, có sức cổ vũ mạnh mẽ mọi người vươn lên trong sự nghiệp cách mạng.

Sự kiện quan trọng ấy được đề cập trong tác phẩm của tất cả mọi người cầm bút, từ những vị lãnh đạo đảng và nhà nước như Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm văn Đồng, đến các nhà lý luận văn học, phê bình văn học như Trần huy Liệu, Hoài Thanh, Vũ Khiêu, Hoàng xuân Nhi, Nguyễn văn Hạnh, Trương Chính, đến các nhà thơ nhà văn tên tuổi như Xuân Diệu, Chế lan Viên, Lưu trọng Lư, Hoàng trung Thông, Nguyễn đình Thi, Nguyễn đăng Mạnh, tất cả nhiệt liệt hoan hô *Ngục Trung Nhật Ký* như là bản cáo trạng đanh thép, phần nộ, sôi sục vạch mặt chỉ tên những kẻ thù của loài người, *Ngục Trung Nhật Ký* còn mang nặng những suy nghĩ, ưu tư của một tâm hồn lớn, một tâm hồn cao thượng và nhân ái, *Ngục Trung Nhật Ký* là tác phẩm văn học lớn có tác dụng giáo dục sâu sắc phẩm chất và đạo đức làm người cho các thế hệ ngày nay và sau này.

Đặng Thai Mai và Những Câu Hỏi "LÂM CÂM"

Trông không khí tán tụng từng bừng náo nhiệt ấy, chỉ có nhà văn Đặng thai Mai là giữ được thái độ tương đối ngay thẳng nhưng vẫn không tránh được đây đó vài từ ngữ thậm xưng. Ông đã phát hiện được "trong trường hợp cấu tạo nên *Ngục Trung Nhật Ký* một vài nét ly kỳ", một vài tình tiết lạ lùng không ăn khớp với nhau và không hợp với luận lý của ông.

Câu chuyện bắt đầu có lẽ vào những năm 1958-1959. Nhà văn Đặng thai Mai vừa được bầu làm Chủ Tịch Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam. Tố Hữu vừa đập tan bọn *Nhân Văn-Giai Phẩm* và vừa trực tiếp

tổng kết một cuộc đấu tranh quan trọng trong văn nghệ bằng bản cáo toàn diện *Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm trên mặt trận văn nghệ*. Cũng trong thời gian này, Đặng Thai Mai dành hết thì giờ vào việc hoàn tất cuốn *Văn thơ Phan Bội Châu, thần tượng* một thời của ông. Nhà văn cũng vừa cho in xong cuốn *Trên đường học tập và nghiên cứu* tập I thì được Trung Ương Đảng Ủy Nhiệm hiệu đính bản Việt dịch *Ngục Trung Nhật Ký* do nhà thơ Nam Trân thực hiện.

Trước kia, vào năm 1955, khi đọc cuốn *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* do Trần dân Tiên viết, Đặng Thai Mai rất chú ý đến những đoạn nói về Hồ Chủ Tịch bị bắt giam, một lần ở Hồng Kông năm 1932-1933 và lần ở Quảng Tây năm 1942-1943. Đọc đoạn văn của Trần dân Tiên nói về những ngày tù của Hồ chí Minh ở Quảng Tây, nào là cụ Hồ bị trói giắt cánh khuỷu, cổ mang vòng xích, đi mãi..đi mãi nhưng vẫn không biết đi đâu... Dầm mưa dãi nắng, trèo núi qua rừng... Gian khổ như vậy nhưng cụ vẫn vui vẻ, thảnh thơi cụ Hồ làm thơ v.v...và so sánh những đề tài thơ được nói đến trong đoạn văn này với nội dung của *Ngục Trung Nhật Ký*, Đặng Thai Mai hoàn toàn tin tưởng, đúng như Ban Tuyên Giáo đã quyết định, Hồ chí Minh thực sự là tác giả của tập thơ *Ngục Trung Nhật Ký*. Nhưng trong thời gian hiệu đính bản dịch kéo dài hàng mấy tháng, Đặng Thai Mai có dịp đọc tập thơ một cách toàn bộ và kỹ lưỡng hơn, nhiều câu hỏi dồn dập từ bóng tối của tiềm thức hiện ra và có tác dụng làm cho đầu óc ông bị xáo trộn. Sự xáo trộn càng ngày càng dữ dội nhất là khi ông suy nghĩ về những con số thời gian đề ở ngoài bìa cuốn số tay: 29.8.1932, 10.9.1933.

Tại sao những thời gian nói đến trong tập thơ đều có liên quan xa gần đến những ngày bị giam cứu ở Quảng Tây năm 42-43 mà ngoài bìa lại đề là năm 32-33 ? Đó là chính tác giả đã đề ra hay do một người khác ? Người khác ấy là ai ? Tại sao dám đề những con số kỳ quặc ấy vào tác phẩm của vị chủ tịch tối cao của quốc gia ? Ông đem câu chuyện hỏi Võ nguyên Giáp đúng lúc ông Tướng này đang chuẩn bị cho người ta ghi lại bài ký của ông nói về *Hồ Chủ Tịch, người cha của quân đội cách mạng Việt Nam*. Võ nguyên Giáp kể: "Chúng tôi lên đường công tác Bác cũng ra ngoài nước. Một hôm, ở Ngân Sơn, nhận được thư hỏa tốc của anh Phạm văn Đồng, mở ra, thấy tin...Bác...đã mất ở trong ngục...Tôi còn nhớ, sau mấy hôm bồi rối ấy, tôi lại tiếp tục xuống châu Ngân Sơn...ít lâu sau, chúng tôi bỗng nhận được một tờ báo ở Trung Quốc gửi về. Bìa tờ báo ấy có mấy hàng chữ, đúng nét chữ Bác, viết: "Chúc chú huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên..." Thế mà đã làm chúng tôi phải mấy tháng trời ngao ngán, đau thương, lo lắng...Sau một thời gian, chúng tôi tiến về Châu Chợ Rã...sang Đông Viên, đến Nghĩa Tá, rồi thẳng về chân làng Cóc phối hợp với các chiến sĩ của anh Chu văn Tấn...Sau đó, tôi trở về đến Cao Bằng thì vừa Tết. Tết đây là mừng một tháng giêng năm Quý Mùi, tức là ngày 5.2.1943.

Giả thiết Hồ chí Minh bị bắt ở Phố Túc Vinh, Trấn Thiên Bảo vào ngày 29.8.1942 như các nhà nghiên cứu cộng sản đã qui định, thì trước ngày 5.2.1943 một hai tháng, tức cuối năm 1942, họ Hồ đã được Tướng Trương Phát Khuê tha về. Như vậy, theo Võ nguyên Giáp, Hồ chỉ bị bắt giam ba hay bốn tháng chứ không hơn. Nếu như vậy, Đặng Thai Mai suy

ngĩ, Bác Hồ không thể là tác giả của *Ngục Trung Nhật Ký* được, vì thời gian trong tập thơ này kéo dài mãi đến tháng 8, tháng 9.1943 mới chấm dứt.

Sự tình cờ lại đưa Đặng thai Mai đến nói chuyện với Nguyễn lương Bằng, nhưng Nguyễn hoàn toàn không biết gì đến việc họ Hồ bị bắt giam ở Quảng Tây. Cụ chỉ nói về vụ Hồng Kông: ‘Một buổi tối, ở Tân Trào, chúng tôi đốt đuốc vào thăm Bác...Tôi nhắc lại chuyện hồi ở tù đọc báo thấy tin Bác bị bắt, rồi tin Bác mất vì ho lao.v.v...Bác nói: Đúng đấy. Hồi ấy mình cũng đọc cái tin ấy...Tôi hỏi sao nó không làm án và Bác lại thoát được, Bác kể: Nhờ có Cứu Tế Đỏ hết lòng giúp đỡ lại có một Thầy Kiện Anh cãi cho mình...Hồi ấy, vào khoảng năm 1933, bọn Tưởng đang khùng bố dũ, năm 1935, Bác dự Đại hội quốc tế cộng sản lần thứ bảy, đầu năm 1941, Bác về Pắc-pó...Buổi tối hôm ấy, Bác và tôi nhắc lại những ngày ở Quảng Châu. Ngoảnh đi ngoảnh lại chốc đã hai mươi năm. Bác nhớ rất kỹ...Bác nhớ rất kỹ mà Bác lại không nhớ lại những ngày năm tù ở Quảng Tây năm 42-43, thế thì những ngày tù ấy chả có gì đặc biệt khả dĩ có thể làm Bác vui, cũng chẳng có thơ văn gì hay ho có thể làm Bác nhớ, như vậy, câu chuyện Bác viết *Ngục Trung Nhật Ký* năm 42-43 là câu chuyện không có rồi, đó chỉ là một câu chuyện do Ban Tuyên Giáo dựng đứng mà thôi.

Đặng thai Mai nhất định phải hỏi cho ra lẽ tại sao có những con số 32-33. Ông kể lại: ‘Trong thời gian Viện Văn Học hiệu đính bản dịch tập *Ngục Trung Nhật Ký* (1959-1960), chúng tôi đã đề cập lên Bác câu hỏi về điểm này, qua Ban Tuyên Giáo. Và đã được trả lời: Hai con số trên đây là sai, đúng ra là 1942-1943’. Khi đề đạt câu hỏi này lên Hồ chí Minh, Đặng thai Mai không đứng trên tư thế cá nhân mà trên cương vị Chủ tịch Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam, ủy viên Viện Văn Học đặc trách hiệu đính bản dịch *Ngục Trung Nhật Ký*, nói với tác giả của *Ngục Trung Nhật Ký*. Như vậy, trên hai tư cách quan trọng này, Hồ chí Minh có nhiệm vụ phải phúc đáp câu hỏi rõ ràng mang tính văn bản học chuyên môn của Đặng thai Mai. Hồ chí Minh đã không trả lời, không giải thích, mặc dầu Hồ thường được giới thiệu như là một lãnh tụ rất thân dân, hay giải đáp những thắc mắc dù nhỏ nhất của nhân dân. Hồ chí Minh lại là tác giả của cuốn sách mà nhà văn Đặng thai Mai đang hiệu đính bản dịch, như vậy, không ai có quyền, có khả năng, có uy thế hơn Hồ chí Minh để cắt nghĩa cho Đặng thai Mai hiểu cái lý do hay con người nào đã viết nên mấy con số lạ lùng kia, và những con số ấy có thực sự muốn ghi soạn niên của tác phẩm hay không ?

Đối với nhà văn bản học, biết soạn niên tác phẩm là điều tối quan trọng, nhiều khi chỉ bằng vào soạn niên của một tác phẩm mà nhà văn bản học có khả năng xác lập phụ quyền và cân nhắc giá trị của tác phẩm ấy. Hồ chí Minh giữ yên lặng về điểm này là thực sự có điều khuất tất. Vì thế để ve vuốt Đặng thai Mai, họ Hồ vội vàng phong cho Đặng làm Viện Trưởng Viện Văn Học, chức vụ bao trùm mọi sinh hoạt văn học trong phạm vi cả nước.

T. LAN VÀ CUỐN ‘VỪA ĐI ĐƯỜNG VỪA KỂ CHUYỆN’

Theo lời giới thiệu của nhà cầm quyền Hà Nội, T.Lan là bút hiệu của Hồ chí Minh, tác phẩm được viết vào năm 1950 trên đường ra mặt trận

trong chiến dịch Biên Giới. Sách được nhà xuất bản Sự Thật xuất bản năm 1963, ghi lại một số mẫu chuyện và đời hoạt động của họ Hồ ở nước ngoài từ khoảng 1923 đến 1945. Theo Hà minh Đức, "qua câu chuyện kể về đời hoạt động của mình, người chiến sĩ cách mạng đã luôn phải đấu trí, đấu sức nhiều lần với kẻ thù...Tác giả nói nhiều đến sức mạnh của nhân dân và bộ mặt độc ác của các loại kẻ thù...Bên cạnh những chuyện kể của thời kỳ qua, là đôi nét miêu tả về sinh hoạt nhân dân vùng rừng núi biên giới...*Vừa Đi Đường Vừa Kể Chuyện* khắc lại rất sâu, rất đậm hình ảnh của Hồ Chủ Tịch, song song ở hai chặng đường lịch sử người chiến sĩ cách mạng kiên trì hoạt động vượt qua muôn ngàn khó khăn trong thời kỳ bí mật và vị lãnh tụ của dân tộc đang lãnh đạo toàn dân kháng chiến...Tập ký có ý nghĩa động viên, giáo dục mọi người đi về phía trước và tin tưởng vào thắng lợi". Trở lên là khái quát về nội dung *Vừa Đi Đường Vừa Kể Chuyện* do Hà minh Đức viết trong cuốn *Tác phẩm văn của Chủ Tịch Hồ chí Minh*, nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1985, trang 142-150. Ta không thấy Hà minh Đức nói gì về những ngày tù của Hồ chí Minh mà tác phẩm có mô tả cặn kẽ, cũng không thấy nhà lý luận văn học chuyên về văn chương Hồ chí Minh đề cập tới những điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về thời gian hai lần tù của họ Hồ trong hai tác phẩm cùng viết về một đề tài, và của cùng một tác giả là cuốn *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, trong đó Hồ chí Minh lấy bút hiệu là Trần dân Tiên, và cuốn *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, ký tên là T. Lan.

Trong *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, Hồ chí Minh chỉ nói qua về việc ông bị giam ở Hồng Kông năm 31-33 nhưng lại để rất nhiều thì giờ nói về việc Luật Sư Lô-dơ-bai cãi hộ và che chở cho ông, về việc bị bắt giam ở Quảng Tây năm 1942-1943, ông lại nói rất chi tiết về cảnh sống ở trong tù (ngày mang gông, đêm cùm chân), về những ngày chuyển lao gian nan (bị giải đi, tay bị trói giật cánh khuỷu, cổ mang vòng xích) nhưng ông vẫn cảm thấy sung sướng vì được ngắm phong cảnh đồi núi, đồng quê bị giam. Ông ở chung với những người mắc bệnh giang mai, những người nghiện thuốc phiện, phải ngủ ở cầu xí, bị ghẻ lở, có người tù chết ngay bên cạnh, bị nạn muỗi, rệp, rận, lại ăn thiếu nên gầy như que củi. Đi suốt 80 ngày, bị giam trải qua 30 nhà tù, Hồ chí Minh mới đến Quế Lâm, rồi được hưởng chế độ chính trị trong nhà giam Liễu Châu. So những chi tiết này với *Ngục Trung Nhật Ký*, ta thấy giữa hai tác phẩm có một sự qui chiếu đều đặn gần như tiền định, và từ đó, nếu ta đã chấp nhận *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* thì ta cũng phải công nhận tác giả *Ngục Trung Nhật Ký* là Hồ chí Minh.

Nhưng trong *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, T. Lan mà ta biết là Hồ chí Minh lại viết khác. Trong tác phẩm này, Hồ chí Minh đã nói đầy đủ về nhà tù Victoria ở Hồng Kông và chỉ nói sơ qua về nhà tù ở Quảng Tây. Ông nói rõ lần ông bị bắt ở Hồng Kông, đó là ngày 6.6. 1931, bị bắt tại nhà số 186 Phố Tam Lung (Cửu Long). Sau vài hôm, ông được Lô-dơ-bai sốt sắng cãi hộ. Từ tháng 6 đến tháng 9, tòa án họp 9 phiên, đến ngày 24.1.1933, ông được tha bổng. Rồi ông tả ngôi nhà ông bị giam, "nhà khám lớn Victoria to rộng, với những tường cao 3 thước tây bề ngang 1 thước, bề dọc không đầy 2 thước, bề rộng chỉ vừa một người nằm xiêu xiêu. Cao chót vót trên đầu tường chỉ có một cái cửa sổ nhỏ hình nửa mặt

trắng lờ mờ, bị song sắt và lưới sắt bưng bít. Ban ngày, từ cửa sổ ấy ánh sáng lọt vào xà lim một cách rụt rè, bỡ ngỡ. Cửa xà lim bằng ván gỗ dày độ một gang tay và bọc sắt...ngẩng đầu lên chỉ trông thấy trời rộng bằng một chiếc khăn tay...Cùng giam với Bác đều là những người bị bắt về chính trị..." T. Lan cũng nói chuyện anh Lý mà ở trong *Những mẫu chuyện...*, Trần dân Tiên đã mô tả như là một tướng cướp đầy lòng nghĩa hiệp. Anh Lý bị án 7 năm tù, còn 5 tháng nữa thì hết hạn, nhưng vì lòng nghĩa hiệp, anh giết chết một tên cai người Anh rất hung ác, từ đó bọn gác ngục không dám lại gần Lý, còn anh em tù thì đều gọi Lý là anh hùng. Ngoài ra, còn có những anh tù con nhà giàu như Trinh Quốc Đậu, chỉ ăn được cơm người nhà mang vào chứ không chịu ăn cơm tù v.v...

Những chi tiết chân thực được miêu tả trong *Vừa đi đường...* trùng hợp với nhiều ý thơ trong *Ngục Trung Nhật Ký*. Đó là về lần bị tù năm 1932-1933 Ở Hồng Kông. Về lần bị tù thứ hai ở Quảng Tây, đã được Trần dân Tiên kể lại rất dài dòng và đã nêu ra nhiều chi tiết rất phù hợp với nhiều đề tài trong *Ngục Trung Nhật Ký*, T. Lan lại chỉ nói tới một cách rất ngắn gọn: "Tháng 8 năm ấy, Bác có việc sang Trung Quốc, thì bị bọn Quốc Dân Đảng bắt. Sau khi bị chúng trói giải đi suốt 18 ngày, từ trại giam này đến trại giam khác, chúng đưa Bác về giam ở Liễu Châu...Đây không phải là một trại giam chính cống mà chỉ là một cấm bế thất một phòng giam nhỏ hẹp ngay bên cạnh Đội Cảnh Vệ của Tướng Trương Phát Khuê. Chỉ một mình bác bị nhốt ở đó". Đây là T. Lan, tức chính bản thân Hồ chí Minh kể lại.

Cuốn *Vừa đi đường...* được xuất bản năm 1963, như thế nó ra đời sau cuốn *Những mẫu chuyện* đúng 8 năm. Nó được viết bởi cùng một tác giả, như vậy cuốn đến sau phải có những thông báo xác thực hơn cuốn trước, và nếu có những thông báo tương phản thì những thông báo trong cuốn sau phải được coi là những lời cải chính đối với cuốn ra trước. Cũng vì nghĩ như vậy, như tất cả các nhà văn bản học khác, mà Đặng thai Mai đã coi cuốn *Vừa đi đường...* như là lời Hồ chí Minh chính thức giải đáp cho ông: Hai con số trên đây là đúng, ghi 1942- 1943 là sai.

Trong *vừa đi đường...* Hồ chí Minh cho người đọc biết hai điều rất quan trọng: Sau khi bị bắt, Hồ chỉ bị giải đi tất cả trong 18 ngày là đến ngay nhà lao Liễu Châu. Như vậy, những chuyện nói "Bác Hồ yêu quý" bị giải đi 80 ngày, dầm mưa dãi nắng, nằm gai nếm mật là những chuyện bịa đặt. Cũng không có chuyện Hồ chí Minh đã trải qua gần 30 nhà tù xã và huyện như đã tả trong *Những mẫu chuyện...* vì những chi tiết ghi trong cuốn sách vội vã này đã được cuốn *Vừa đi đường...* cải chính. Những sự kiện này về sau vẫn được truyền tụng trong giới ít đọc sách, tỉ dụ trong giới của ông Vũ Anh, và vẫn được nhiều nhà trí thức lười biếng tin theo. Cuốn *Vừa đi đường...* còn cung cấp cho ta một tin tức quan trọng khác, đó là xác định Hồ chí Minh chỉ bị giam một mình trong phòng, tức là ngoài ông ra, không có một người nào nữa trong xà lim của ông. Như vậy không có chuyện khuyên người bạn tù gắng ăn cơm cho no bụng (bài số 9), chuyện bạn tù hòa nhạc với nhau (bài 12), chuyện bạn tù thổi sáo (bài 14), chuyện hai người học đánh cờ (bài 17, 18, 19), chuyện vợ người bạn tù đến thăm chồng (bài 32), chuyện cái mền bồi bằng giấy của người bạn

tù (bài 43), chuyện ở chung với những người tù bị bắt vì đánh bạc (bài 24) và cái chết của anh ta (bài 57) và của một người khác nữa (bài 58).v.v...

Vấn theo Hồ chí Minh, thời gian chuyển lao từ Thiên Bảo đến Liễu Châu là 18 ngày, nếu giữa hai nhà tù nói trên có tất cả 18 nhà lao cấp huyện thì đồ đồng, Hồ chí Minh chỉ bị giam một ngày hay một đêm thì đúng hơn trong mỗi nhà lao. Và như thế, họ Hồ không thể đủ thời giờ để làm thơ ở nhà lao Tĩnh Tây 22 bài thơ, ở nhà lao Thiên Bảo 3 bài, ở Điền Đông 7 bài, Quả Đức 3 bài, Đồng Chính 7 bài, nhà lao Nam Ninh 27 bài.v.v...Và ngược lại tại nhà lao Liễu Châu là nơi bị giam lâu nhất, Hồ lại chỉ làm được 16 bài. Nhận xét này đã làm cho Đặng Thai Mai gần như phải lớn tiếng la lên vì bất bình. ông viết: "...thời gian Bác bị đưa từ Liễu Châu đi Quế Lâm...kéo dài có tới khoảng 10 tháng, nhưng cuốn nhật ký chỉ ghi 19, 20 bài thơ so với thời gian 4 tháng trước, có tới gần 100 bài rõ ràng là quá ít...Từ đầu tháng 2 năm 1943, chỉ mấy ngày trước Tết Nguyên Đán năm Quý Mùi, hơn 30 vạn quân Đức Quốc Xã đầu hàng ở Xtalingrat. Thế mà sự việc rung trời chuyển đất này không thấy được phản ánh trong tập thơ...Chúng ta có thể lấy làm lạ vì sao hồi này Bác viết ít thơ như vậy, và ít nói đến thời sự như vậy ? Vì sao ? Vì Bác sức yếu nên không muốn viết?...Tất cả mấy giả thiết trên đây, theo ý tôi, đều có ít nhiều cơ sở".

Để đi tìm cơ sở vững chắc cho những giả thiết này, Đặng Thai Mai trở về xem lại "bảng mục lục ở cuối *Ngục Trung Nhật Ký*. Rồi ông ngồi giờ tập thơ từ trang này qua trang kia. Ông bắt gặp một vài con số (lại con số) hoặc một vài chi tiết chính xác hơn, về thời điểm lồng vào trong lòng bài thơ hoặc ghi vào bên cạnh đầu đề". Theo ông, những chú thích về ngày tháng ghi bên cạnh đầu đề trở nên rất khó hiểu đối với người đọc như ông. "Thí dụ bài Đồng Chính, bên đầu đề còn ghi rất rõ viết ngày 2.11, bài Cảnh Báo, ghi ngày 12.11, bài Giải Vãng Vũ Ninh, ngày 18.11 và bài Đáo Liễu Châu ghi ngày 9.12.1942...Một người đọc có óc tò mò có thể sẽ nêu lên câu hỏi sau đây: Vì sao trong bài Đồng Chính, Giải Vãng Vũ Ninh và bài Đáo Liễu Châu, ngày tháng lại được ghi rõ như vậy ? Sao bao nhiêu bài khác lại không được sự chú ý đặc biệt ấy ? Hay là ba ngày ấy...còn có một nội dung gì khác, về giá trị tình cảm, về tình hình chính trị ? Câu hỏi vừa đặt ra có vẻ "lắm cảm" vì có phần chắc là sẽ không bao giờ tìm được một câu trả lời chắc chắn, nhưng...thiết tưởng câu hỏi "lắm cảm" ấy vẫn có lý do của nó".

Qua những câu hỏi dồn dập trên, Đặng Thai Mai đã bắt đầu mở hé cho ta thấy những hoài nghi đen tối đang đua nhau nổi dậy trong đầu óc của ông. Hay là những bài thơ ấy có nội dung khác nhau, khác nhau về tình cảm, xung đột nhau về chính trị ? Tại sao những bài có ghi ngày tháng thì lại đối chiếu được với những địa danh nhất định, và những địa danh này đều thuộc vào Tĩnh Quảng Tây, còn những bài không ghi ngày tháng lại không qui chiếu vào được một địa danh nào và thường chỉ nêu ra một nội dung tổng quát, có khi không liên hệ đến nhà tù ? Những thắc mắc này đã dẫn Đặng Thai Mai đến sự phân biệt trong *Ngục Trung Nhật Ký* ít nhất hai nội dung tình cảm khác nhau, hai ý thức chính trị trái ngược nhau như bóng tối và ánh sáng, hai phong cách có thể phân tích một cách dễ dàng, phong cách khái quát của thơ Đường, và phong cách đối tục (chữ của Nguyễn Trãi) của người bình dân Việt Nam.

Phong cách khái quát của thơ Đường sử dụng một hệ từ vựng kín, nghĩa là chỉ dùng một số chữ rất hạn chế có nghĩa khái quát, chỉ nắm lấy những cái có tính chất chung cho một loạt sự vật, một loạt hiện tượng, tức là không chú trọng đến cái cá biệt, không chú trọng đến việc tô đậm màu sắc, và cuối cùng, chủ trương tính triết học, coi trọng hoạt động của tư duy hơn của tri giác cảm quan.

Tác giả *Ngục Trung Nhật Ký* đã thành công trong loại phong cách này khi ông ghi nhận những ánh sao lấp lánh trên rặng núi vào Thu (bài 38), hoặc luồng hơi ấm của mặt trời ban mai tỏa xuống cõi người giá lạnh (bài 73), bóng thấp thoáng của mấy chú chim chiều về tổ (bài 28) hay của một áng mây trôi nhẹ giữa tầng không (bài 28), ánh hồng của một bếp la làng quê vào giờ chập choạng (bài 28), cánh đồng ruộng giữa những ngày mạ xanh hay vào mùa lúa chín (bài 35), một luồng gió lạnh mang theo chút thoáng thơm của cỏ nội, hoa rừng (bài 113), canh gà khắc khoải (bài 56), tiếng dế nhặt khoan (bài 107), hai chuông Ký chùa xa chen lẫn cùng tiếng sáo của một chú chăn trâu (bài 60)... Trong những bài này, tác giả tự xưng là *chính nhân* (bài 38,39) hoặc tả một sơn thôn thiếu nữ đang xay bắp (bài 28), hoặc tự coi mình như một *khách lãng du*, "Hồi ta đi đến lúa còn xanh, Vụ gặt mùa nay nữa đã thành, Khấp chốn nhà nông cười hờn hở, Ruộng đồng bát ngát tiếng ca thanh" (bài số 35), đến đó rồi đi đó một cách tự do, không có gì bó buộc. Bài Tảo Giải (số 38,39) có lẽ là bài thơ hay nhất trong *Ngục Trung Nhật Ký*, tôi xin chép ra đây bản tôi dịch ra tiếng Việt để cùng nhau thưởng thức phong cách thơ Đường của tác giả:

*Đêm vẫn đêm... Gà gáy tiếng đầu.
Chòm sao đưa nguyệt đến rừng thu.
Khách đi xa giữa đường xa vắng,
Ngẩng mặt, từng cơn lạnh gió lùa.
Phương đông, màu trắng đã thành hồng.
Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không.
Hơi ấm bao la trùm vũ trụ
Người đi, thi hứng bóng thêm nồng.*

Bài *Hoàng Hôn* (số 60):

*Gió như kiếm sắc mài mòn đá
Rét tựa mũi giùi chọc thủng cây
Chuông đổ chùa xa xui khách bước.
Mục đồng thổi sáo dẫn trâu về.*

Hoặc bài *Úc Hữu* (số 63):

*Xưa bác đưa tôi đến bên sông,
Hỏi ngày trở lại, trò đòng-đòng
Giờ đây ruộng mới đà cày ải.
Đất khách, thân tôi mắc cũi lồng.*

Chép thêm một bài nữa là bài *Mộ* (số 28) mà ai cũng thích:

*Chim mệt về rừng tìm chỗ đậu...
Mây trôi lơ lửng giữa trời không...
Xóm rừng, cô gái đang xay bắp.
Xay bắp vừa xong, bếp đã hồng.*

Những bài này được viết bằng những nét phác họa, với những từ ngữ giản đơn, màu sắc gần như không có, thế mà người đọc có cảm tưởng

như mình đang ở không gian này bước vào một không gian khác, đang ở thời gian này bước sang thời gian kia, và cho bài thơ là hay. Ngược lại, và song song với những bài thơ ấy, là những bài *Hạn Chế* (bài 103), nói về việc đau bụng mà không được đi cầu; bài *Bào Hương Cấu Nhục* (bài 77), nói về việc ăn thịt chó ở Bào Hương, rồi bài nói về một cái răng rụng (bài 46), về việc trượt chân ngã (bài 52), thậm chí bài *Sơ Đáo Thiên Đáo Ngục* (bài 31), còn nói đến cả việc ngồi trên hố xí nữa. Đã đành đề tài nào cũng là đề tài cho thi ca, nhưng cách lựa chọn đề tài ở đây đã chứng tỏ ít nhất có hai nhân cách, hai con người, đối chọi nhau thực sự. Đặng Thai Mai chưa nói đó là những ai, nhưng ông đã thấy thấp thoáng đằng sau khung cửa *Ngục Trung Nhật Ký* một số người mà có lẽ ông quen mặt. Để nhận rõ sự tương phản giữa hai phong cách thơ nói trên, ta thử đọc bài *Hạn Chế* (số 103), bản dịch của Viện Văn Học:

*Đau khổ chi bằng mất tự do!
Đến buồn đi ra cũng không cho.
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù!*

Bài *Sơ Đáo Thiên Bào Ngục* (số 31), bản dịch của Lê Hữu Mục:

*Năm mươi ba dặm, một ngày dài
Áo mũ dầm mưa. giày rạc rài
Chỗ ngủ yên, thâu đêm chẳng có.
Ngồi trên hố xí đợi ngày mai.*

Khoan giải thích về ý nghĩa nội dung và giá trị đấu tranh của bài thơ, bởi vì những cảnh thất bại điêu tàn (câu 2), những thái độ tiêu cực thoát ra từ chữ *đợi* (hán văn: *đãi*) không gợi ra được cái ý chí tiến hành cuộc đấu tranh cho tự do của bản thân, như Đặng Thai Mai có lần đã gắng gượng bào chữa. Cả bài thơ và những bài thơ tương tự đều *đối tục*, hay nói như Nhĩ Thành "cái nôm na của cuộc sống sẽ làm cho bài thơ nôm na theo", trong đó người đọc thơ không thấy cái quan hệ tạo nên sắc thái nghệ thuật ở đâu cả, mà chỉ thấy rặt các yếu tố tản mạn, được nêu ra một cách lỏng lẻo bằng những biện pháp nôm na như liệt kê hay lý luận, so sánh, miêu tả. Về phương diện này, Phương Lưu đã nói đúng khi ông khẳng định rằng "Bác đã sáng tạo ra thể thơ tứ tuyệt tự sự hầu như không thấy có trong thơ Đường". Nhĩ Thành đã tỏ ra rất uyên bác về thi học đời Đường và đã bênh vực những bài thơ *đối tục* của Hồ chí Minh một cách rất hùng biện, nhưng ông càng đề cao giá trị của những bài tứ tuyệt tự sự ấy bao nhiêu, ông càng làm cho nó cách biệt với phong cách khái quát đối lập với nó, càng làm nổi bật hình ảnh của người đứng chung với Hồ chí Minh trong tập thơ, hình ảnh mà Đặng Thai Mai và bạn bè của ông về sau này đã thấy nhưng chưa gọi tên được, mà Ban Tuyên Giáo cùng Trung Ương Đảng, sau khi cho hình ảnh ấy nhập một với Hồ chí Minh, vẫn tìm cách bôi bác cho mờ nhạt và sai lạc hẳn đi để không ai có thể thấy được.

VĂN VIẾT VÀ VĂN LÁCH CỦA ĐẶNG THAI MAI

Thực ra *viết lách* là một từ kép láy nghĩa, bởi vì nếu *viết* là dùng chữ để ghi ra những điều suy nghĩ, thì *lách* do chữ hán *lạc* nghĩa là *viết*, và *viết lách* có nghĩa là viết một cách thận trọng, nghiêm túc như khắc vào tre, như chạm vào đá. Chuyển sang tiếng Việt, từ *lách* mất nghĩa, và bị

nôm hóa, biến nghĩa gốc, trở thành một động từ có nghĩa là đưa mình qua chỗ chật hẹp nơi đông người một cách khéo léo, đi đôi với từ *viết, lách* có nghĩa là lựa chiều để khéo léo, nhẹ nhàng đưa lọt một ý nghĩ của mình vào câu văn mà không ai biết, hoặc tìm cách khôn ngoan đưa sâu tư tưởng của mình vào một đoạn văn, một cuốn sách mà mình viết với mục đích riêng tư, thường là đối lập một cách tinh vi với quan điểm, với chính sách của nhà nước. Đặng thai Mai nổi tiếng trong giới văn học miền Bắc là vì ông "đã hấp dẫn người đọc bằng một nghệ thuật diễn đạt tinh tế và uyển chuyển, một ngòi bút chiến đấu sắc sảo và giàu tính thuyết phục", và được như vậy là nhờ ở chỗ ông đã biết viết và biết lách đúng lúc, đúng chỗ.

Khi đọc lại tập thơ *Ngục Trung Nhật Ký* vào những năm 1970-1976, ông tỏ ra không đồng ý với nhiều nhà phê bình khi họ cường điệu vấn đề chủ nghĩa lạc quan cách mạng và tinh thần bất khuất của người chiến sĩ trong *Ngục Trung Nhật Ký*. Đặng thai Mai viết: "Trong tập nhật ký có một số bài thơ mà chúng ta có thể xếp vào loại thơ triết lý. Tuy vậy, nếu đọc kỹ lại (đây là nhà văn bắt đầu lách) thì chúng ta vẫn có thể phân vân về việc xếp loại như thế. Bài bát cú *Tình Thiên* (bài số 113) chẳng hạn, mở đầu với một câu muốn như là để phát triển *thuyết tuần hoàn luận*. Câu 1 và câu 2 nhắc lại một triết lý khá thông thường là sự vật nằm trong định luật xoay vần và trời mưa mãi rồi thì cũng tới ngày nắng. Và rồi câu kết bài thơ lại nói tới lẽ tự nhiên "khổ tận" nhất định sẽ tới ngày "cam lai". Tuy vậy (tác giả giả vờ như rút lại câu văn lách) trung tâm hứng thú của bài thơ chắc không phải là mấy câu triết lý dễ dàng ấy. Trước hết là đối với phương Đông chúng ta, thuyết tuần hoàn luận đã trở nên khá thông thường với các Nhà Nho Học cũng như các Nhà Đạo Học, Phật Học. Bác hiểu hơn ai hết rằng (lách thực sự) có một lối trình bày cái thuyết xoay vần của các Nhà Triết Học ngày xưa thật sự là *siêu hình*, và một mặt nữa, nếu như "sau mưa có nắng" thì "sau nắng phải có mưa" thì sao? Cho nên nghĩ cho kỹ, triết lý này không phải là triết lý dài hạn. Sự thực thì ở đây (hết lách và bắt đầu viết), chủ đề chính cố nhiên không phải là triết lý tuần hoàn luận mà chính là cái chủ nghĩa lạc quan của con người khi cảm thấy sung sướng trước cảnh tượng của ngày tự do sắp tới".

Đọc cả một đoạn văn dài, các quý vị trong Trung Ương Đảng cũng như trong Bộ Chính Trị ở Hà Nội chắc phải vỗ tay hoan hô tinh thần sùng bái lãnh tụ của Đặng thai Mai, nhưng ở Sài Gòn, các Nhà Văn Học lại thấy ngược lại là nhà văn họ Đặng đã nặng lời mạt sát những người đã lầm lẫn thuyết tuần hoàn duy tâm với chủ nghĩa lạc quan cách mạng, nghĩa là, nói cách khác, đã chỉ ra cái "đuôi" duy tâm của tác giả những bài thơ này. Như vậy, nhà cách mạng duy vật Hồ chí Minh còn có thể là tác giả những bài thơ ấy nữa hay không? Nhờ tài lách của ông, Đặng thai Mai đã đưa vào bài *Đọc lại tập thơ Ngục Trung Nhật Ký* những lời phê bình thực sự độc địa có khả năng phủ nhận phụ quyền của Hồ chí Minh đối với một số bài trong tập thơ.

Trong một đoạn văn khác, cũng nhờ tài lách khôn ngoan này, Đặng thai Mai đã giáng lên đầu Hồ chí Minh một quả tạ nghìn cân. Tiếp tục trình bày những hoài nghi của ông về phụ quyền *Ngục Trung Nhật Ký*, nhà văn đi thẳng vào vấn đề sáng tác bằng cách tra hỏi khả năng sáng tác của Hồ.

ông viết: '*Không thể không lấy làm lạ là Bác đã viết thơ bằng chữ Hán, và đã viết những bài thơ hay. Ở đây (nhà văn bắt đầu luận), quả có phần của cái mà chúng ta thường gọi là thiên tài. Theo dõi tiểu sử của Bác (nhà văn bắt đầu lách), chúng ta có thể thấy rằng từ thời kỳ thanh thiếu nhi, cố nhiên Bác đã được bồi dưỡng trong trường học chữ Hán của các Nhà Nho cuối thế kỷ trước, nhưng một mặt nữa, cũng rất rõ là thời kỳ Bác được bồi dưỡng trong Nho Học, trong văn chương cử tử (thơ, phú, văn, luận) chắc hẳn chỉ độ 5, 7 năm là cùng. Sau thời gian đó là thời kỳ đi học chữ Pháp, đi dạy tư, rồi từ giã quê hương đi tìm đường cách mạng cứu nước. Dấu chân của Bác in lên khá nhiều đất nước xa lạ trên cả hai bán cầu Đông và Tây. Thời kỳ thanh niên của Bác ở đất khách quê người không phải là những năm "du học", mà là những năm lao động vất vả. Lao động để mà sống. Sống để làm cách mạng. Sống rất bận rộn, luôn luôn nguy hiểm. Thì giờ dành cho việc học tập văn thơ chữ Hán, chắc hẳn rất ít, nếu không nói là tuyệt đối không có... (hết lách, bắt đầu ca). Tuy vậy, không có một trí thông minh đặc biệt thì với lứa tuổi ấy, người học sinh quyết không thể nắm vững được mọi qui cách văn học cổ điển, để sau này sử dụng ngòi bút mình một cách chủ động, mềm mại mà chắc chắn, như Bác. Cố nhiên (bắt đầu luận), cái vốn cũ của nhà trường đó cũng nhờ có sự bồi dưỡng luyện tập thì mới thành tài. Thiên tài trong văn nghệ là những tia sáng rất đẹp, rất lộng lẫy, nhưng thiên tài cũng có thể lướt qua như một ngôi sao băng, nếu nó không trở thành nhân tài. Nhân tài là của con người. Nhân tài có công trình bồi dưỡng. Nhưng hiểu như vậy (lách mạnh) thì chúng ta lại càng phải lấy làm lạ là Bác đã tìm đâu ra thì giờ, điều kiện để tự bồi dưỡng cho mình về nghệ thuật làm thơ, làm thơ bằng tiếng nước ngoài...*

Nhà văn Đặng Thai Mai, người đã viết về *Lỗ Tấn, thân thế, văn nghệ* (1944), *Tạp văn trong văn học Trung Quốc hiện đại* (1945), đã dịch các tập kịch *Lôi Vũ, Nhật Xuất* của Tào Ngụ, *lịch sử văn học Trung Quốc hiện đại* (1958), đã không nói đùa khi ông xác nhận trình độ thấp kém của Hồ chí Minh về Hán văn, điều mà kẻ viết bài này sẽ xác nhận ở phần sau với những bằng chứng cụ thể. Điều quan trọng là trong không khí cực kỳ sôi động về nhiệm vụ suy tôn lãnh tụ mà các nhà văn phải thi hành, Đặng Thai Mai đã nói ra được một cách công khai cảm nghĩ chân thành của ông về khả năng sáng tác *Ngục Trung Nhật Ký* của Hồ chí Minh. Ông đã thẳng thắn xác nhận, với một lý luận hết sức thuyết phục, là Hồ chí Minh không đủ kiến thức Hán văn để viết nên một tập thơ như *Ngục Trung Nhật Ký*. Tập thơ ấy là của một người khác.

CHỐTINH VI CỦA GIÁO SƯ LÊ TRÍ VIỄN

Năm 1980, vừa ở nhà tù Bầu Lâm ra, tôi tình cờ gặp Giáo Sư Lê trí Viễn và được Giáo Sư làm quà cho cuốn *Học tập phong cách ngôn ngữ chủ tịch Hồ chí Minh* vừa in xong, trong đó có bài *Thử đi vào chỗ tinh vi của nguyên tác và bản dịch Ngục Trung Nhật Ký* của Giáo Sư: Một bài báo viết thật tinh vi, tinh tường, tinh xảo giải thích giá trị của nguyên tác *Ngục Trung Nhật Ký* đồng thời trình bày những chỗ đạt và không đạt của bản dịch. Lời văn phê bình rất nhẹ nhàng, đôi khi dí dỏm, nhiều chỗ mượt mà trau chuốt như thơ khiến cho những ý kiến đưa ra dễ được chấp nhận. Vào năm 1982, tôi đọc *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 36, giới thiệu những

tác phẩm của Nguyễn ái Quốc-Hồ chí Minh, trong đó có cuốn *Ngục Trung Nhật Ký* do nhà Hán học Nguyễn sĩ Lâm và Giáo Sư Lê trí Viễn phụ trách phần phiên âm, dịch xuôi, chú thích, ông Nguyễn văn Bách phụ trách phần viết chữ Nho.

Cứ nhìn từ bên ngoài thì ta chỉ thấy đây là một công trình biên tập theo phương pháp giáo khoa, với những lời giải thích đầy đủ rõ ràng, phần dịch xuôi chú ý tới từng từ ngữ, từng ý nghĩa của từ ngữ ấy trong câu văn, các thành ngữ Trung Hoa được nhận diện và được cắt nghĩa đúng với vị trí của nó trong văn mạch. Nói tắt, đó là một công tác của một nhóm người có thiện chí muốn góp phần chuyên môn của mình vào việc tiến hành nghiên cứu *Ngục Trung Nhật Ký*. Nhưng đó mới chỉ là cái nhìn bề ngoài. Nhìn sâu hơn vào toàn bộ tác phẩm, ta mới thấu hiểu chỗ thực sự tinh vi của Giáo Sư Lê trí Viễn, nhìn sâu hơn có nghĩa là ta phải nhìn lại bản *Ngục Trung Nhật Ký* của nhà xuất bản Văn Hóa thuộc Viện Văn Học, phát hiện ra những chỗ sai khác giữa bản này và bản của nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội (I), tham khảo những tư liệu và nhận định của các soạn giả đã phát biểu về những điểm này, nhất là những quan điểm văn bản của Giáo Sư Đặng Thai Mai v.v... Với cách nhìn sâu sát như vậy, ta mới nhận ra rằng việc làm của Giáo Sư Lê trí Viễn tiếp tục sự nghiệp chưa hoàn thành của Giáo Sư Đặng Thai Mai và nhờ phương pháp nghiên cứu văn bản học nghiêm túc của Giáo Sư Lê trí Viễn, ta có thể có điều kiện cụ thể xich lại gần hơn quan niệm của Giáo Sư Mai về phụ quyền của *Ngục Trung Nhật Ký*.

Trước hết, qua bản sao lục của ông Nguyễn văn Bách, tất cả mọi chữ chép sai trong bản của Viện Văn Học do ông Phạm phú Tiết viết đều đã được sửa chữa, tỉ dụ:

Âm Hán	Bản Viện Văn Học	Bản Lê Trí Viễn
khước (bài 3,5,7)	却	却
cước (bài 15)	脚	脚
liêu (bài 2)	聊	聊
liễu (bài 98)	柳	柳
ngưỡng (bài 11)	仰	仰
lậu (bài 19)	漏	漏
sa (bài 93)	痧	痧
đáp (bài 86,53)	搭	搭

Đây chỉ là những chữ viết sai theo thói quen của một người học chữ Hán theo phương pháp cổ truyền, nó có thể không quan trọng trong một bản văn khác. Ở đây, đó lại là những khuyết điểm lớn vì nó liên quan đến một tác phẩm lớn và một tác giả lớn. Là một bậc thầy được công nhận về văn bản học, Giáo Sư Lê trí Viễn không thể tha thứ những sai sót ấu trĩ ấy. Ta càng khâm phục phương pháp làm việc nghiêm túc của họ Lê bao nhiêu, ta càng thấy sự cầu thả đáng trách của Hồ chí Minh bấy nhiêu vì Hồ là tác giả tập thơ, là người duy nhất và cuối cùng xem lại bản thảo và cho

phép in. Sự cầu thả này cho thấy, đúng như nhận xét của Giáo Sư Đặng thai Mai, Hồ chí Minh không có khả năng là cha đẻ của *Ngục Trung Nhật Ký*.

Bản phiên âm *Ngục Trung Nhật Ký* cũng đã không tránh được nhiều sai sót trầm trọng. Sau đây là một số chữ điển hình về phiên âm sai.

Chữ Hán Bản Viện Văn Học Bản Lê Trí Viễn

拚	biện	phiến, phán
搭	tháp	đáp
人們	nhân mẫn	nhân môn, nhân muộn
盼	miện	phán
澡	tháo	tảo
踢	dịch	thích
脛	hình	cảnh
玫瑰	mai khôì	mai quế

Ngoài ra, bản phiên âm đã rất lúng túng khi gặp những chữ dùng theo Bạch Thoại, hoặc câu có kiến trúc ngữ pháp Bạch Thoại. Ta biết rằng tiếng Trung Quốc phát ra đúng giọng nói của người Bắc Kinh thì có 6 thanh, trong đó có 4 thanh căn bản là âm thanh, dương thanh, thượng thanh và khứ thanh. Âm thanh là thứ thanh không có dấu. Dương thanh là thứ thanh có dấu đọc lên thành ra một thanh ở giữa thanh có dấu sắc và thanh có dấu hỏi của Việt Nam. Thượng thanh là thứ thanh có ghi dấu V, thanh này phát ra đầu tiên thấp rồi lên cao dần như thanh có dấu hỏi của Việt Nam. Khứ thanh là thanh có ghi dấu, tức thứ thanh phát ra hơi chậm từ cao xuống thấp gần giống thanh ở giữa thanh có dấu huyền và thanh có dấu nặng của Việt Nam. Hệ thống thanh điệu của tiếng Hán-Việt đã được hoàn thành từ đời Đường, do đó, khi đọc thơ Hán-Việt, ta không bị vấp về vấn đề thanh điệu, tiếng Quan Thoại mới trở thành chính thức bên Trung Hoa từ *Ngũ tứ vận động* (1919), nó còn quá mới đối với người Việt Nam, và nhất định là chúng ta chưa ổn định được hệ thống thanh điệu để áp dụng vào việc sáng tác thi ca. Cũng vì thế mà cùng một bài thơ Hán-Việt, nếu đọc theo hệ thống thanh điệu cổ truyền thì bài thơ có thể viết đúng niêm luật, nhưng nếu đọc theo âm Bắc Kinh thì lại thất luật, thất niêm, lý do là vì hệ thống thanh điệu của tiếng Hán-Việt chỉ phù hợp với những bài thơ chữ Hán đọc theo âm Việt cổ truyền. Các nhà phiên âm của Viện Văn Học đã không chú ý đến hiện tượng ngữ học đó, cho nên đã vì tôn trọng âm luật mà phiên âm sai nhiều chữ, và vì phiên âm sai nên gây ra tình trạng thất luật hoặc biến nghĩa của câu thơ. Giáo Sư Lê trí Viễn đã nhẹ nhàng, như một Giáo Sư chỉ lỗi chính tả cho môn sinh, nêu ra nhiều chỗ phiên âm sai trái, điển hình là trong bài 86 nhan đề là: *Đáp hỏa xa vãng Lai Tân* (Đáp xe lửa đi Lai Tân).

Đây là bản phiên âm của Viện Văn Học:

Kỷ thập nhật lai lao tẩu bộ

*Kim thiên đặc đáp hoả xa hành
Tuy nhiên chỉ đặc toạ thán thượng,
Tất cánh tỉ đồ bộ phiêu lượng.*

Rõ ràng là vần *hành* và vần *lượng* hoàn toàn sai lạc, người phiên âm đã phạm một lỗi rất nặng chỉ vì ông muốn tôn trọng nội dung của văn bản. Tiếng Hán-Việt không có từ *phiêu lượng*, đây là một từ Trung Hoa, có nghĩa là đẹp đẽ, sang trọng, bảnh bao (theo Nguyễn sĩ Lâm và Lê trí Viễn). Các tác giả này đã phiên âm lại bài thơ bằng cách sửa lại chữ *hành* thành *hàng*, chữ *lượng* (có dấu nặng) thành *ương* (không có dấu) và chú thích: "Bài thơ này, hai từ *hành* và *lượng*, nếu đọc theo chính âm của nó, thì không có vần, ở đây, tác giả đặt theo lối hiệp vận và âm Trung Quốc nên *hành* phải đọc là *hàng* và *lượng* là *ương* thì mới có vần". Lời chú thích rất sơ sài, nhưng lại rất sâu sắc. Nó chứng thực rằng, nếu tác giả *Ngục Trung Nhật Ký* đã đặt câu theo lối hiệp vận và âm Trung Quốc, và phải đọc theo cách phát âm Trung Quốc mới có nghĩa, thì tác giả nhất định phải là người Trung Quốc chứ không phải là người Việt Nam. Tôi sẽ bàn thêm về vấn đề này ở những trang sau, ở đây, tôi thấy cần phải lưu ý đến lời chú thích của Giáo Sư Lê trí Viễn, nó cho ta biết vì Giáo Sư này đang đi theo con đường nghiên cứu và học tập của Giáo Sư Đặng thai Mai, nghĩa là đang tìm tòi phát hiện ra tác giả đích thực của *Ngục Trung Nhật Ký*. Về vấn đề này, Giáo Sư Lê đã bước một bước lớn so với Giáo Sư Đặng: Ông chỉ rõ tác giả là một người Trung Hoa chứ không phải Hồ chí Minh, mặc dầu mỗi lần nói đến tập *Ngục Trung Nhật Ký*, ông vẫn trân trọng cho đó là tập thơ chữ Hán của Bác.

Về những chữ dịch sai trong bản *Ngục Trung Nhật Ký* của Việt Văn Học, Giáo Sư Lê trí Viễn đã đưa ra nhiều trường hợp rất đáng chú ý, tỉ dụ bài số 14 nói về người bạn tù thối sáo, Giáo Sư viết: "Người bạn tù thối sáo là một bài dịch chưa tốt...Đi vào chỗ tinh vi của thơ ca thì rõ là có nhiều chỗ dịch chưa đúng, cả thần lẫn chữ nghĩa. *Ngục trung hốt thính* mà dịch là *bổng nghe trong ngục*, mới xem qua ai không cho là đúng: *Ngục trung* là trong ngục, *hốt thính* là bổng nghe, còn gì nữa ? Ấy thế mà lại sai, cái sai rất nguy hiểm vì có vẻ đúng. Hãy xem: *Bổng nghe trong ngục sáo vi vu* có phải là người ở ngoài ngục nghe không ? Mà đã thế thì bài thơ hỏng mất rồi. Ở đây là người trong ngục nghe người trong ngục. Người thối sáo nhớ nhà, người nghe thối sáo cũng nhớ nước, hai người có chung một tâm sự "tư hương". Câu thơ chữ Hán rành rành như thế: *Ngục trung hốt thính tư hương khúc*. Cũng có một người thứ ba có lẽ cũng nghe khúc nhạc là "khuê nhân", người vợ ở nhà...Bắt đầu bài thơ thì chưa có. Nhưng khi khúc sáo nhớ quê hương đượm thấm tình người (về chỗ này, câu dịch bỏ mất một cái trình tự chuyển biến trong tâm tư thể hiện bằng trình tự chuyển biến trong khúc nhạc) thì không những người thối, người nghe ở trong ngục đều xúc cảm sâu xa, mà ở xa muôn dặm, người ở quê nhà cũng động lòng, bồi rối trong ruột, cho nên đã lên một tầng lầu để nhìn về phương trời, nhưng chưa thấy gì, lại phải lên một tầng nữa. Bài thơ kết thúc trong một niềm thương nhớ mênh mông, dằng dặc. Đã dịch được cái mênh mang dằng dặc ấy, nhưng đã bỏ mất cái ý "khuê nhân cách thượng". Đáng phàn nàn nhất là chữ "vi vu". Câu chữ Hán không có. Đối với cái không khí trong veo của bài thơ, âm thanh đó không hợp. *Tư*

Hương Khúc là khúc nhạc nhớ quê, rõ ràng lắm. Sao lại có một âm thanh vi vu thêm vào ? Quan trọng hơn cả: Vi vu là một từ miêu tả, miêu tả tiếng sáo. Điều này gần như trái hẳn với tinh thần bài thơ...

Trong bài *Lộ Thương* (Trên Đường Đi, bài số 41) có chữ *say* nghĩ ra cũng rắc rối như thế. Bài dịch hơi bay bướm, không giữ được cái chân phác của bài chữ Hán, nhưng cũng kể là hay: *Mặc dù bị trói chân tay, chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng. Vui say ai cấm ta dừng, Đường xa âu cũng bớt chùng quạnh hiu.* Nhưng đọc đến chữ 'say' vẫn hơi ngỡ ngợ. Trong *Tự do lắm thương vô nhân cấm* không có ý gì say cả mà chỉ nhấn mạnh đến ý tự do, ở đây là tự do thường thức, tự do vui thú...chứ chưa thể 'vui say'. Vấn đề không phải mặt chữ, mà một mức độ, một phong thái...Đến khi nó lắng chìm, tinh vi một tí, hoặc giả người ta dịch sơ ý một chút là có thể sai lạc, mất cái sâu *Sơn thôn thiếu nữ ma báo túc* (Mộ, số 28) dịch thành *cô em xóm núi xay ngô tối*. Trong chữ Hán không có chữ *tối*, chỉ có xay ngô. Kể ra bài này tả cảnh chiều tối bên một xóm núi, sau khi tả cảnh chim bay về núi ngủ, cảnh mây trôi chậm chậm trên không, quay về xóm tả việc cô gái nhỏ xay ngô chuẩn bị bữa tối mà thêm chữ 'tối' vào, có gì là sai ? Đúng là xay ngô tối, nhưng đặt chữ 'tối' vào đây thì sớm quá, và lộ quá. Nguyên văn không nói đến tối mà tự nhiên nói đến: Thời gian trôi dần dần theo cánh chim và làn mây, theo những vòng xoay của cối ngô, quay quay mãi, 'ma báo túc' Bao túc ma hoàn...và đến khi cối xay dừng lại thì 'lô dĩ hồng', lò đã rục hồng, tức trời tối, trời tối thì lò rục lên. Nhịp câu thứ tư là 4-3, nhịp ba ngắn, chấm dứt cho cả một sự vận động chuyển biến, đúng với cái tối lúc đến nhanh, thu dần cuộc sống bên lò than, rồi tỏa cái ấm ra theo âm thanh nong ấm của chữ *hồng*. Tất cả cái đó, chữ *tối* trong câu 3, và nhịp điệu 2-5 của câu 4 làm hỏng cả. Có khi chỉ vì sai ngữ khí mà lạc cả tinh thần.

Bài *Bị bắt ở phố Túc Vinh* là một sự bất bình, hơn nữa, một sự phẫn nộ. Thái độ thì bình tĩnh, nhưng cứng rắn. Việc mới xảy ra đột ngột, phản ứng còn mới mẻ, chưa có gì sâu lắng. Câu thứ 2: '*Cố ý trì diên ngã khứ trình*' cũng chưa phải là một câu nhìn vào mình, mà là đối với địch, cho nên dịch '*cố làm cho chậm bước mình*' là không phù hợp, nhất là chữ 'mình' quá mềm yếu, có ý tự an ủi, xuống nước quá nhiều. Câu thứ tư '*Ba nhân danh dự bạch hi sinh*' là một lời phản kháng, mà câu dịch '*không dưng danh dự phải hi sinh*' lại là một câu than thở.

Trong phần chú thích *Ngục Trung Nhật Ký*, Giáo Sư Lê trí Viễn còn chỉ rõ những cách phải hiểu rõ những thành ngữ Trung Hoa như *thảm đạ kinh dinh* (bài số 18), *tuyệt trung tổng thán* (bài số 84), *chiến chiến căng căng* (bài số 54), *xan phong dục vũ* (bài số 78).v.v...để tránh những cách dịch phỏng chừng sai lạc. Công việc cần cù và thận trọng này đáng lẽ là thuộc vào trách nhiệm của tác giả khi đọc lại bản dịch trước khi ra lệnh cho in. Sự yên lặng thản nhiên của tác giả cho ta có cảm tưởng là ông chẳng biết gì hết, kể cả cái tập thơ mà ông đứng tên tác giả. Thái độ đứng đưng trước những sai sót trầm trọng của tiểu ban dịch *Ngục Trung Nhật Ký* có xứng đáng với một tác giả đích thực không, đó là điều mà Giáo Sư Lê trí Viễn muốn biết khi ông để tất cả thì giờ của mình vào việc đi tìm những chỗ tinh vi trong bản dịch *Ngục Trung Nhật Ký*.

Nhóm của Giáo Sư Lê Trí Viễn còn phát hiện ra một chuyện động trời trong bản *Ngục Trung Nhật Ký* của Viện Văn Học: Các nhà có trách nhiệm về việc dịch tập thơ này đã sửa lại mục lục của tập thơ, tự tiện thêm vào những bài thơ không có trong bản gốc, cuối cùng còn tự tiện sửa chữa lại nhiều câu thơ trong đó nữa. Đây là phần mục lục của bản Viện Văn Học đối chiếu với mục lục của bản Lê trí Viễn.

	TÊN CÁC BÀI THƠ DỊCH	BẢN VIỆN VĂN HỌC	BẢN LÊ
TRÍ VIỄN			
45	Từ Long An Đến Đồng Chính		40
46	Trên Đường Đi		41
40	Đồng Chính		42
41	Chăn Bông Giấy Của Người Bạn Tù		43
42	Đêm Lạnh		44
43	Dây Trói		45
44	Rụng Một Cái Răng		46
110	Đêm Thu		110
112	Cảm Tưởng Khi Đọc Thiên Gia Thi		111
111	Tức Cảnh		112
	Trời Hửng		113
	Không có		

Tôi không đánh giá bản nào đúng bản nào sai, lý do là vì tôi không có bản gốc trong tay, và đó cũng không phải là nhiệm vụ của tôi. Tôi chỉ nhận xét về thái độ của các nhà biên soạn đối với bản văn đang nghiên cứu, và quả thực phải công nhận rằng các nhà biên soạn trong Viện Văn Học đã làm việc trái qui tắc. Để phục vụ cho kế hoạch hoạt động của Ban Tuyên Giáo, mà mục đích là đề cao đạo đức cách mạng của lãnh tụ Hồ chí Minh qua những chặng đường chuyển lao đầy gian khổ chẳng kém gì Chúa Ki-tô trong 14 chặng thương khó các nhà biên soạn của Viện Văn Học đã xếp đi xếp lại cho địa điểm của các nhà tù ăn khớp với đề tài, nội dung và thời gian của các bài thơ trong *Ngục Trung Nhật Ký*. Và họ hoàn toàn chỉ đứng trên một cứ điểm, sự bố trí tự do theo họ, miễn là làm sao cho có đủ 18 nhà lao, con số do bài thơ số 99 đã cho (*Giam ở trong mười tám cái lao*), dàn trải trong hơn 100 bài thơ, con số hơn 100 này ghi trong bài thơ số 104 (*Dằng dặc đêm dài chặng ngủ cho, Ta làm trăm mấy bản thơ tù*). Phương pháp bố trí của họ rất đơn giản, họ dùng hai bài thơ số 99 và 104 làm trục không gian và thời gian, rồi cứ theo cái trục đó họ dàn trải các

bài thơ, bài thơ nào có ghi ngày tháng được xếp theo thứ tự thời gian, bài thơ nào không có thì sắp xếp vào chỗ nào đó cũng được. Về không gian lại rất dễ biết được sự sai trái của các nhà biên soạn trong Viện Văn Học, làm việc theo chỉ thị của cấp lãnh đạo trung ương!

Những hành động bê bối này đã không qua mắt nhà văn Đặng thai Mai, bởi vậy, khi nhận lãnh trách nhiệm hiệu đính bản dịch *Ngục Trung Nhật Ký*, ông đã tỏ muốn nói chuyện trực tiếp với tác giả để hiểu rõ lai lịch tác phẩm. Sự yên lặng vô lý của Hồ chí Minh đã đưa đến những hậu quả mà ta đã biết. Ngay việc sắp xếp cho đủ con số 113 bài thơ cũng tỏ ra khiên cưỡng. Tính đến bài thơ 104 trong đó tác giả tuyên bố đã làm được hơn một trăm bài thơ tù, đếm đi đếm lại và căn cứ vào nội dung của các bài thơ còn lại, họ không làm thế nào cho đủ con số một trăm, thế là họ quyết định bài thơ nào có hai đoạn là kể thành hai bài thơ, bài nào có ba đoạn là kể thành ba bài thơ, nhờ cách đó, họ đã có đủ con số một cách dễ dàng. Cách làm việc của họ đã bị nhóm của Giáo Sư Lê trí Viễn sửa lại trong bản *Ngục Trung Nhật Ký* đăng trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 36, từ trang 603 đến 785 .

Có một việc lạ lùng nữa là có bài thơ không có trong *Ngục Trung Nhật Ký* mà các nhà biên soạn của Viện Văn Học cũng dịch và xếp vào tập thơ, lộ liễu nhất là bài *Tân xuất ngục học đặng sơn* (bài số 114). Tuy có câu chú thích nhỏ nói là bài thơ này không có trong *Ngục Trung Nhật Ký*, nhưng ai cũng thừa biết ý đồ của họ là phải đăng thêm vào một bài thơ cho tập thơ có một chút bề dày để cho việc trình bày được trang trọng, khổ một cái là bài thơ này lại là bài duy nhất được Hồ chí Minh nhận là của ông, đã cho đăng lại trong tập *Vừa đi đường vừa kể chuyện* với bản dịch do chính tay Hồ soạn, cho nên người đọc lại có cảm nghĩ là họ cố bám víu vào một cái gì dù rất mong manh, một bài thơ rất nhỏ, để cho tập thơ có chút hơi hướng ấm áp của một người còn sống, bởi vì họ biết, và chỉ một mình họ biết thôi, là tác giả thực của tập thơ đã nằm dưới lòng đất lạnh từ lâu! Bài *Tức cảnh* số 112 cũng là một bài thơ dở mà họ tự tiện thêm vào cho tập thơ có bề dày. Nhóm Giáo Sư Lê trí Viễn đã tỏ ra rất hợp lý khi họ xếp bài thơ trên vào phần *phụ lục* và gạch bỏ bài thơ dưới.

Nhưng đây mới thực sự là chuyện động trời: Các nhà biên soạn bên Viện Văn Học đã *sửa văn* của Bác Hồ yêu quý của họ và đây cũng là tiết lộ của nhóm Giáo Sư Lê trí Viễn. Trong bài *Tự miễn* (số 34), họ đã tự tiện đổi từ *khẩn trương* của nguyên văn ra *kiên cường*. Câu thơ trong nguyên tác là:

Tai ương bả ngã lai đoàn luyện
Sử ngã tinh thần cánh khẩn trương.

Nghĩa là: *Tai ương đem ta ra mà rèn luyện khiến cho tinh thần của ta lại càng khẩn trương.* Bản Lê trí Viễn chú thích: "Khẩn trương, ý nói tinh thần không những không nao núng mà càng cảnh giác cao độ với những tai ương gặp phải. Hai chữ này, bản in của Viện Văn Học đề là *kiên cường* (vững mạnh), nay chúng tôi lấy lại theo nguyên bản". Bản Viện Văn Học vì sợ từ *khẩn trương* không nói lên được sức mạnh tinh thần của lãnh tụ, và như thế là không đề cao được phẩm chất cách mạng không gì lay chuyển nổi của người cộng sản vĩ đại, không nói lên được khí phách hào hùng, ý chí sắt đá của Bác, cho nên họ đã gạch chữ đó đi, thêm vào một từ cụ thể

hơn, cứng cáp hơn là từ *kiên cường*, và câu thơ được đổi mới có thể dịch là: “*Tai họa rèn luyện ta, khiến cho tinh thần ta thêm vững mạnh*” Văn chương cách mạng là như thế đó, nếu nghe xuôi tai, hợp với chính sách của Đảng thì ta để nguyên xi, nếu nghe nghịch tai, không hợp với đường lối xã hội chủ nghĩa thì ta gạch bỏ. Không ai biết, mà có biết cũng chẳng làm được gì, mà có làm gì thì ta cũng dẹp, ta sẽ lấy một lý do khác để bỏ tù những kẻ phản động đã dám chống đối ta!

Thực ra, lỗi không ở ai cả, mà chỉ do từ *khẩn trương* tạo ra. *Khẩn trương* nghĩa là gì ? Có lẽ các ông trong Viện Văn Học đã hiểu *khẩn trương* là căng thẳng, và tinh thần của Bác mà căng thẳng thì chẳng hóa ra Bác điên sao, cho nên họ phải bắt buộc đổi nó ra là *kiên cường*. Theo tôi, *khẩn trương* ở đây chỉ có nghĩa thông thường là nói đến một tình trạng cần được giải quyết ngay, và tiến hành giải quyết một cách tích cực. Vì tai họa dồn dập cho nên Bác khẩn trương, tức là Bác càng hoạt động tích cực hơn nữa! Lỗi cũng do câu thơ trên tạo ra nữa, và khóm từ *bả ngã lai* là thủ phạm chính. *Bả ngã lai* là cứ đem ta ra (mà tôi, mà rèn), cứ nhè ta (mà nung nấu), nhưng các ông trong Viện Văn Học không hiểu rõ cho nên đã dịch xuôi là: Tai họa rèn luyện ta, tức là đã lướt qua khóm từ *bả ngã lai* không dịch. Vì đọc thơ không hiểu nên liền lĩnh đổi câu thơ đi, mà là câu thơ của Bác! Tôi thấy các ông ở Viện Văn Học phải biết rõ tập thơ không phải của Hồ chí Minh mới dám to gan lớn mật như vậy. Trong bài số 39 (*Tảo giải II*) câu thơ thứ hai: *U ám tàn dư tảo nhất không (Những tàn dư của bóng tối đã sớm sạch không)*, chữ *tảo* ở đây là buổi sớm, đã bị sửa lại bằng chữ *tảo* nghĩa là quét, cho nên bản Văn Học đã dịch là: *Bóng đêm rơi rớt đã bị quét sạch*. Họ sửa lại câu thơ này vì họ cho rằng chữ *tảo* của nguyên tác chỉ thời gian không linh hoạt bằng động từ *tảo*, biểu diễn một động tác mạnh và phù hợp với khí phách hào hùng của Bác hơn.

Văn của mình bị sửa lại tơi bời như vậy mà tác giả là Hồ chí Minh cứ điềm nhiên cho đem in thì thật tôi không hiểu ông là loại tác giả gì ? Nếu là một tác giả thực thì một chấm một phết cũng không được sửa đổi chứ đừng nói là một từ!

THỬ XEM LẠI CÁI TÊN CỦA TÁC PHẨM

Tiếng Việt phân biệt rõ ràng những điểm khác nhau giữa từ ***nhà giam*** và ***nhà ngục***. Khi nói *tù*, là ta nói chung về trường hợp những người bị bắt, chữ ***tù*** có chữ ***nhân*** là người bị đóng khung trong bốn bức tường của chữ ***vi*** cho biệt *tù* là nơi giam giữ người có tội. Nhà giam là nơi tạm giữ những người vừa bị bắt để lấy cung, lập biên bản trình tòa, nếu họ không có tội, họ sẽ được tòa tuyên bố trắng án, và được tha về, không bị giam giữ nữa. Thời gian tạm giữ này gọi là thời gian ***giam cứu***. Người bị bắt chỉ là *tù nhân* thực sự khi bị tòa tuyên bố là có án, trong trường hợp này, người có tội bị giam trong nhà lao, còn gọi là nhà tù hay nhà ngục là những nhà được xây cất kiên cố, với tất cả mọi cơ quan thích nghi để cho *tù nhân* không thể vượt ra ngoài. Ngược lại, nhà giam chỉ là những chỗ tạm thời đặt ra để giam giữ những người bị bắt trong một thời gian ngắn, có thể là một căn phòng, một buồng tắm, một chuồng xí, bất cứ một xó xỉnh nào cũng có thể là một nhà giam.

Theo định nghĩa này, Hồ chí Minh chưa bao giờ thực sự là một người tù như các chí sĩ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng hay như Trường Chinh, Lê đức Thọ, Đặng thai Mai. Hồ chỉ bị giam tạm thời trong khám lớn Victoria, được Luật Sư cãi cho trắng án, rồi được tha về. Lần thứ hai bị bắt ở Quảng Tây, Hồ chỉ bị giam trong một cái cấm bế thất, một nhà giam nhỏ, rồi chuyển đi từ nhà giam này sang nhà giam nọ, cuối cùng được tha và được Trương Phát Khuê cấp cho một tờ hộ chiếu. Khi nói tới thời gian này, Hồ chí Minh chỉ dùng từ **nhà giam** chứ không bao giờ nói đến nhà ngục. Hồ chưa bao giờ là một tù nhân như các chiến sĩ cách mạng chống Pháp bị cầm tù ở Côn Đảo. Từ *ngục trung* (trong ngục) như vậy không có trong tự điển của Hồ.

Nhật ký là thể văn ghi chép theo thứ tự thời gian những sự kiện xảy ra và những cảm nghĩ hằng ngày của người ghi. Nếu nhật ký đòi hỏi một quá trình thời gian liên tục chặt chẽ thì *Ngục Trung Nhật Ký* không phải là một tập thơ ghi những sự kiện và cảm nghĩ hằng ngày, thời gian ở đây rất gián đoạn và rõ ràng là đã được sắp xếp lại một cách rất giả tạo bởi những bàn tay chuyên nghề "**sơn vẽ đồ giả Trung Quốc**".

Nói tóm lại, từ *ngục trung* không có trong tiểu sử của Hồ chí Minh, từ *nhật ký* lại càng xa lạ đối với con người thích hoạt động (tỉ dụ săn rệp, bắt rận, thổi nấu) hơn là ngồi một chỗ làm thơ. Cũng vì thế mà Hồ chí Minh không bao giờ đã viết *Ngục Trung Nhật Ký*. Mỗi lần được hỏi đến tác phẩm này là Hồ lấp lửng nói tránh đi, không phải vì khiêm tốn, cũng không phải vì coi nhẹ mọi thứ thuộc về cá nhân mình, mà vì Hồ không phải là cha đẻ của nó.

THỬ ĐI VÀO NỘI DUNG TẬP THƠ

Muốn biết rõ Hồ chí Minh có phải là tác giả *Ngục Trung Nhật Ký* không, ta phải đi vào nội dung tác phẩm xem con người làm chủ thể trong tác phẩm là ai. Tác phẩm có thể cho ta biết tên tuổi, quốc tịch, những sở thích của người đó, cùng những điều tác giả muốn nói với người đọc. Người với người có thể lừa dối nhau, bịp bợm lẫn nhau, nhưng tác phẩm bao giờ cũng là một người bạn trung thành, một tri âm, sẵn sàng tiết lộ những điều ta muốn biết.

Đầu tiên, ta thử hỏi về tên tuổi của người viết. Người viết thường tự xưng là **ta**, **tôi** một cách chung chung, nhưng có hơn một lần anh xưng là **lão phu**.

Lão phu nguyên bất ái ngâm thi

(bài 2, Khai Quyền)

Lão phu hòa lê tả tù thi

(bài 110, Thu Dạ)

Lão nghĩa là già nói chung, nghĩa là từ 50 tuổi trở lên, 60 tuổi thì gọi là **kỳ** như nói **kỳ mục**, 70 đến 80 là **điệt**, 80 đến 90 là **mạo**, nhưng ta chỉ được tự xưng là lão phu khi ta đi quá tuổi **kỳ** để đến tuổi **điệt**. Như vậy, người viết *Ngục Trung Nhật Ký* là một ông già. Vì ông già nên rằng ông rụng (bài số 46), vì ông già nên ông rất hận cái thằng lính nào đó đã đánh cắp mất cái *sĩ đích* của ông, tức là cái gậy chống mà vì tuổi già sức yếu ông mới mang được vào trong tù. Nếu ông trẻ hơn, vào khoảng 40-50 thì sức mấy bọn công an cho ông mang gậy vào nhà tù! Cũng nhờ tuổi già

mà ông tương đối được tự do đi lại trong nhà tù, và đã quan sát được nhiều chuyện thích thú. Cũng nhờ ông già mà bọn lính cho ông tự do làm thơ, miễn là đừng mặt sát nhà tù của chúng. Cũng vì thế mà trong *Ngục Trung Nhật Ký*, không có bài thơ nào công kích chế độ lao tù của Tưởng Giới Thạch, ngược lại có nhiều bài khen ngợi là khác, như bài 9 (*Tảo II*) nói về việc được ăn no ở trong tù, bài 10 (*Ngọ*) nói về giấc ngủ trưa êm đềm trong nhà lao, bài 37 (*Quả đức ngục*) khen nhà lao là một tiểu gia đình, bài 73 (*Tảo tình*) tả ánh sáng ban mai chiếu sáng rục nhà tù, bài 84 và 85 tuyên dương ông Quách, ông Mạc là những cai tù tốt bụng.v.v...Nếu đôi khi ông than phiền đời sống bị hạn chế (bài 103), phải ngồi trên hố xí đợi ngày mai (bài 31, bài 72), phải trả tiền vào nhà giam (bài 96), trả tiền đôn (bài 82) thì đó cũng chỉ là những chuyện thường tình xảy ra trong mọi nhà tù trên thế giới chứ không riêng gì ở Trung Hoa.

Con người tự xưng là *lão phu* ấy không thể là Hồ chí Minh vì tính đến năm 32-33 Hồ mới khoảng ngoài 40, nếu có tính đến 42-43 chẳng nữa, Hồ cũng mới chỉ ngoài 50, chưa có quyền xưng với người khác là *lão phu*, xưng như thế sẽ tỏ ra hỗn xược, hoàn toàn không biết gì về những phong tục cổ truyền của Á Đông, nhất là về xưng hô. Và lại, họ Hồ vốn rất ghét những người chưa già mà đã xưng mình già. Đây là bài thơ kỷ niệm sinh nhật 1950:

**Sáu mươi tuổi hầy còn xuân chán
So với ông Bành vốn thiếu niên
Ăn khỏe ngủ ngon, làm việc khỏe
Trần mà như thế kém gì tiên.**

Đây là bài thơ làm ngày 19.5.1953, nguyên tác chữ Hán, bản dịch của Xuân Diệu:

**Người chưa năm chục đã than già
Ta thật khang cường tuổi sáu ba,
Giản dị bữa ăn, tâm trí sáng
Ung dung xét việc tháng ngày qua.**

Ngày 20.5.1968, Hồ viết:

**Bảy mươi tám tuổi chưa già lắm,
Vẫn vững hai vai việc nước nhà.**

Con người như vậy mà lại xưng là *lão phu* năm ngoài 40 thì thật là vô lý!

Bây giờ ta thử hỏi *Ngục Trung Nhật Ký* về quốc tịch của tác giả. Tác phẩm cho biết có hai quốc tịch trong *Ngục Trung Nhật Ký*, một quốc tịch Việt Nam và một quốc tịch Trung Hoa.

Về quốc tịch Việt Nam của tác giả, bài số 94 nói rõ nhất:

**Ngoại cảm, trời Hoa nóng lạnh mới
Nội thương, đất Việt núi sông xưa.**

Hai câu thơ này dựa theo hai câu thơ nổi tiếng của Hoàng Phan Thái tức đầu xứ Thái trong bài *Trương Lương tố đa bệnh* làm vào thời Tự Đức. Ta có thể coi cả bài thơ số 94 là của một người Việt Nam, cũng có thể là của Hồ chí Minh tuy không có bằng cứ chắc chắn. Hai bài có ghi thêm chữ quốc ngữ là bài 81 nói về một em bé trong nhà lao Tân Dương, và bài 67 nói về ngày lễ 11.11 trong đó có chữ Na-zi viết bằng chữ Việt. Đây có thể kể như là sự đóng góp của Hồ chí Minh. Người ta cũng gắng cường điệu ý

nghĩa của những từ *tư hương* (bài 14), *tha hương* (bài 63), *cố quốc* (bài 110) để tranh thủ phụ quyền của những bài thơ ấy cho Hồ chí Minh, nhưng những từ ấy không hạn hẹp nội dung để chỉ hoàn cảnh của những người sống ở nước ngoài, mà còn dành cho cả những người ở trong nước mà không sinh sống nơi chôn nhau cắt rốn. Cũng vì có dụng ý đề cao vai trò lãnh đạo của Hồ chí Minh mà người ta đã đục chữ *khẩn trương* trong bài đề thay thế bằng chữ *kiện cường*. Việc xuyên tạc trắng trợn này đã bị nhóm Lê trí Viện phanh phui. Cuối cùng, không còn cách nào khác có hiệu quả nữa để phục vụ ý đồ của Ban Tuyên Giáo, các nhà biên tập *Ngục Trung Nhật Ký* đã tìm mọi cách để lái câu thơ vào quỹ đạo mà họ đã định trước, điển hình là trong bài 62 nhan đề là *Thụy bất trước (Không ngủ được)*, họ đã tô thêm màu vàng và ngôi sao năm cánh để giải thích rằng ngay trong giấc ngủ, Bác cũng chỉ nhìn thấy tổ quốc được tượng trưng bằng ngôi sao vàng. Nguyên văn chỉ nói: "**Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tam tinh**", nghĩa là hồn mộng cứ lẩn quẩn loanh quanh ở chỗ ngôi sao năm cánh, trong giấc mơ, lòng chỉ hướng về ngũ tinh liên châu tức là hướng về đoàn tụ gia đình, nghĩ đến vợ con mà lâu ngày mình đã xa. Vì Hồ không có gia đình, họ đã tài tình lái câu này sang màu cờ của Việt Minh, nhưng cái màu vàng ấy (sao vàng năm cánh) chỉ có tác dụng làm cho câu thơ vô nghĩa, hoặc ta nói *sao vàng*, hoặc ta nói *ngôi sao năm cánh*, chứ nhóm chữ *sao vàng năm cánh* không tạo nên được một hình ảnh liên tục.

Nếu quốc tịch Việt của con người trong tập thơ chỉ được nêu lên một cách mơ hồ với một dáng lên gân rõ rệt là quá sức thì ngược lại, quốc tịch Trung Hoa của con người trong tập thơ nổi bật lên một cách dễ dàng.

Đầu tiên, người ấy kịch liệt phản đối những người kết tội anh là *Hán gian*, nghi ngờ anh là một người Trung Hoa mà đi làm tay sai cho giặc. Anh dứt khoát khẳng định anh là một người trung thành với quốc gia, trước sau anh một lòng một dạ, giữ trọn niềm tin, giữ trọn những tình cảm, những lời cam kết đối với đất nước. Lòng anh trước sau như một cho nên anh không cảm thấy có điều gì phải thẹn, phải xấu hổ. Anh chỉ tức giận một điều là lòng trung thành của anh lúc nào cũng sáng như trăng sao thế mà anh lại bị hiềm nghi là một người Trung Hoa phản bội. Anh nói (bài số 7):

**Trung thành, ta vốn lòng không thẹn,
Lại bị hiềm nghi làm Hán gian!
Vốn biết là đời không dễ xử,
Đến nay càng khó xử muôn vàn!**

Câu Hán văn của nguyên tác: "**Trung thành, ngã bản vô tâm cứu**" đã được Viện Văn Học giải nghĩa là: **Ta là người trung trực, trong lòng không bao giờ áy náy.** Nhóm Lê trí Viễn đã dịch lại câu này là: **Ta vốn trung thực, không điều thẹn lòng.** Có lẽ vì không hiểu rõ nội dung của từ *trung thành* cho nên từ này chỉ được giải thích bằng một từ gần tương đương, và vì sự hiểu biết mơ hồ đó mà không ai trông thấy từ *Hán gian* ở cuối câu 2 nữa. Muốn làm Hán gian thì đầu tiên phải là người Hán đã chứ, làm sao một người Việt Nam có thể làm Hán gian, dù anh hoạt động trong nước Trung Hoa? Câu dịch ra thơ của bản Viện Văn Học lại càng vô nghĩa hơn nữa:

***Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng
Lại bị nghi là kẻ Hán gian!***

Dịch như vậy là hiển nhiên có hậu ý muốn xóa nhòa cái gốc Trung Hoa của anh đi, để dễ chuẩn bị cho người đọc hiểu rằng tuy nói là Hán gian, nhưng chính là Hồ chí Minh đấy, có biết đâu chính họ Hồ đã hiểu trung thành là trung thành với cái gì khi viết về Lý Thường Kiệt:

***Tuổi già phải chí công danh
Mà lòng yêu nước trung thành không phai.***
(*lịch sử nước ta, đoạn nói về Lý Thường Kiệt*)

Trung thành của Lý Thường Kiệt là trung thành với đất nước Việt Nam, chứ không phải chỉ là trung thực hay trung trực một cách chung chung. Anh bị tố là Hán gian kia cũng vậy, anh trung thành là trung thành với đất nước Trung Hoa của anh, chứ không thể hiểu được bằng một cách nào khác.

Ngày Song Thập là ngày Tết của toàn thể dân Trung Hoa. Cũng như mọi người trong cộng đồng quốc gia, anh reo hò:

***Nhà nhà hoa kết với đèn chưng,
Quốc khánh vui reo cả nước mừng.***
(bài 26)

Quốc Khánh ở đây là lễ 10.10, ngày lễ chính thức lớn nhất của Trung Hoa, mọi người Trung Hoa kết hoa treo đèn để ăn mừng. Nếu anh là người nước ngoài, anh không có quyền nói rằng đó là quốc khánh của anh, cả nước của anh reo hò ăn mừng. Ngược lại, nếu anh chỉ nói trống không là quốc khánh, là cả nước, thì người ta biết anh là người Trung Hoa.

Chữ *đoàn viên* trong bài *Trung thu I* (bài số 22) và khóm từ *ngọc sàng cảm trưởng* trong bài *Nạn hữu đích chỉ bị* (bài 43) cũng cho ta hiểu rằng khi người này gọi ra sự sum họp ở nhà (*Sum họp ở nhà ăn uống Tết, Chớ quên trong ngọc kê âu sầu*), hay kêu gọi tình thương của những người no ấm nơi trưởng gấm giường ngà (*Trưởng gấm giường ngà ai có biết, Trong tù bao kẻ ngủ không yên*), chính là lúc anh nói chuyện với đồng bào người Hoa của anh, chứ nếu anh là người Việt Nam sống lạc lõng ở đất Quảng Tây anh có gia đình nào đâu mà kêu gọi lòng thương xót của họ!

Ta có thể kết luận rằng trong *Ngục Trung Nhật Ký*, bên cạnh một con người Việt Nam có một con người Trung Hoa. Con người này tự cho mình là anh hùng (*Nam nhi đến thế cũng hào hùng*, bài 48), có khi tự thấy mình oai phong cho một quan võ nước ngoài (*Giống hệt gù quan võ nước ngoài*, bài 45), hoặc lăm liệt như những vị quan to trong triều ngày xưa (*Hàng khanh tướng cũ, giống nghi dung*, bài 49), bởi vậy anh ta thường ví mình với rồng (*Lao lung tháo trúc thấy ngay rồng*, bài 71), trưa ngủ, anh cũng thấy mình cỡi rồng lên thượng giới (bài 10) Anh có những nét của một tay "giang hồ phông túng, nên anh thích sống ngoài khuôn khổ gò bó xã hội", ưa trèo lên những ngọn núi cao để từ đây nhìn xuống nước non muôn trùng ở dưới chân (bài 27), thích ngao du vào những buổi sáng sớm để cho gió lạnh của núi rừng lùa vào mặt (bài 38), để hưởng những luồng hơi ấm của bình minh chan hòa vũ trụ (bài 39). Địa bàn hoạt động của anh là rừng xanh núi đỏ, là đồng chua nước mặn, nơi có cô bé xay ngô (bài 28), có lúa xanh đầy đồng (bài 35), có tiếng chuông chùa đổ

xuống chiều hôm và có tiếng sáo của em bé quê lững thững dắt trâu về (bài 60).

ÔNG GIÀ NGƯỜI HOA HỌ LÝ

Con người có quốc tịch Trung Hoa này là ai, ông từ đâu lạc vào *Ngục Trung Nhật Ký*? Làm thế nào mà thơ của ông đã lọt vào tay Hồ chí Minh? Về điểm này, ta phải hỏi chính Hồ chí Minh, chỉ có mình họ Hồ biết già Lý, chỉ có mình Hồ bị giam với già Lý trong khám lớn Victoria ở Hồng Kông năm 1932-1933, và cũng chỉ một mình ông đã viết về già Lý trong thời gian già Lý bị cầm tù. Ta thử nghe Hồ chí Minh, lúc ấy là Nguyễn ái Quốc, nói về già Lý trong *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, với bút hiệu Trần dân Tiên: "Hai người bị bắt làm ông chú ý hơn cả: Một em bé... và một tướng cướp già bị bắt vì bị bạn tố giác. Người này độ 60 tuổi, hòa nhã, mưu trí và gan góc, giỏi chữ Trung Quốc, làm được thơ. Y tự cho mình là một anh hùng và cho ông Nguyễn cũng là một anh hùng. Già Lý thường tâm sự với Hồ chí Minh: "Tôi là một con sư tử rơi xuống hồ...Anh cũng là con rồng mắc cạn...Sư tử một ngày kia sẽ trở về làm chúa sơn lâm, còn rồng một ngày kia sẽ bay lên trời và làm chúa tể gió mây...Già Lý làm chúa một dãy núi. Có gia đình và một đội quân nhỏ, chặn khách qua đường và bắt nộp tiền mồi lộ...Lý khá ác với người giàu, nhưng rất tử tế với người nghèo. Vì vậy Lý được nhân dân trong vùng vừa yêu vừa sợ". Đó là chân dung già Lý trong *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, do Hồ chí Minh phác họa. Ông còn nói đến già Lý trong cuốn *Vừa đi đường vừa kể chuyện*: "Anh Lý bị án 7 năm tù (không rõ vì sao), còn 5 tháng nữa thì hết hạn. Lý được đưa vào làm (khổ sai) ở xưởng may áo của nhà tù. Ở xưởng này có một tên cai người Anh rất hung ác. Lý nói: "Ta quyết giết chết thằng ác ôn này để anh em đỡ khổ với nó". Một hôm tên cai ấy đang đánh đá túi bụi một người bạn tù thì Lý cầm một chiếc kéo to thọc nó lòi ruột. Lý lại bị đưa ra tòa án và chịu thêm 7 năm tù nữa. Từ đó bọn gác ngục không dám lại gần Lý. Còn anh em tù đều gọi Lý là anh hùng".

Khi Nguyễn ái Quốc bị bắt giam tại khám lớn Victoria, già Lý đã có án và bị tù ở đó hơn 6 năm, lúc ấy già Lý 60 tuổi nên mới tự xưng là *lão phu*, đi lại được phép chống gậy, còn họ Nguyễn hồi đó chỉ mới ngoài 40, chưa được tự xưng là *lão phu*, đi lại chưa cần chống gậy, chứng cứ là sau khi bị giam lần thứ hai ở Quảng Tây và được tha về "mắt Bác nhìn kém, chân bước không được, Bác quyết tâm tập đi, mỗi ngày 10 bước, dù đau mà phải bò, phải lết, cũng phải được 10 bước mới thôi. Cuối cùng Bác chẳng những đi vững mà còn trèo được núi" (T. Lan, *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, trang 84). Vào lúc này, họ Nguyễn chưa nói được tiếng Quan Thoại, bởi vì vẫn theo T. Lan, mãi đến lần vào tù thứ hai ông mới bắt đầu học Quan Thoại. Trong *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, T. Lan viết: "Chỉ một mình Bác bị nhốt ở đó. Lâu lâu mới có một vài sĩ quan Quốc Dân Đảng bị phạt vào ở đó năm, bảy ngày, Bác lợi dụng những dịp đó để học tiếng Quan" (Sách đã dẫn, trang 83). Đó là chuyện 10 năm về sau, 10 năm về trước, tức là vào thời gian gặp già Lý, Hồ chưa nói được tiếng Quan, nhưng ông biết chữ Hán, có thể bút đàm được với già Lý, nhờ đó mà hai người có nhiều dịp chuyện vãn với nhau, làm thơ chung với nhau vì già Lý

cũng làm được thơ, đúng như Hồ chí Minh kể lại sau này. Cuốn sổ tay màu xanh bạc màu là cuốn sổ tay của hai người dùng chung, trong đó già Lý đã viết nhiều bài thơ kể lại đời sống hào hùng của cụ khi còn trẻ hoạt động ở những vùng rừng núi. Già Lý làm chúa một dãy núi (Trần dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, trang 87). Mỗi lần nói về phong cảnh đồi núi, nơi chứng kiến những năm già Lý còn trẻ tâm hồn tâm tối của ông như bừng sáng:

ĐI ĐƯỜNG (bài số 27)

*Đi đường mới biết đường đi khó,
Ngoài núi cao còn núi chập chùng.
Trèo hết non cao lên thấu đỉnh,
Dư đồ muôn dặm bốn bề trông.*

Trong bài thơ, không khí tự do tràn ngập, già Lý chưa bị bạn tố giác nên vẫn sống ở những vùng núi cao, trèo lên tới đỉnh để thu cảnh đẹp vào tầm mắt. Thật không có gì quý bằng tự do. Gán bài thơ này cho Hồ chí Minh, nhóm Viện Văn Học đã không hiểu nổi giá trị của bài thơ, và đã bắt Hồ chí Minh làm một chuyện mà lúc ấy họ Hồ không thể làm được: Tay bị trói giật cánh khuỷu, chân bị xích, có 6 lính gác hung hăng áp giải bắt đi đâu thì đi đó, làm sao Hồ có thể tự do trèo lên đến tận đỉnh núi và còn có đủ thì giờ để ngắm phong cảnh ?

Già Lý còn say sưa kể lại những lần ông ra đi trong bóng đêm để chặn khách qua đường bắt nộp tiền mồi lộ, nhưng thực ra ông chặn khách thì ít mà hưởng được những cảm giác mạnh thì nhiều. Thích cuộc đời hào hùng, ghét những cảnh tầm thường giả dối của xã hội, biết bao lần già Lý ra đi từ lúc nửa đêm để hưởng cái thú gió lùa vào mặt.

GIẢI ĐI SỚM I (bài số 38)

*Đêm vốn đêm...Gà gáy tiếng đầu,
Chòm sao đa nguyệt đến rừng thu.
Khách đi xa giữa đường xa vắng.
Ngẩng mặt, từng cơn lạnh gió lùa...*

GIẢI ĐI SỚM II (bài số 39)

*Phương đông, màu trắng đã thành hồng.
Bóng tối đêm tàn sớm sạch không.
Hơi ôm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.*

Một bài thơ như vậy mà người tạ bày đặt cho nó mang một cái tên quái gở là *Tảo giải* (Giải đi sớm) để bắt độc giả phải hiểu rằng con người ra đi đêm hôm đó là Hồ chí Minh! Sao người ta không nghĩ lại một chút, và đọc kỹ bài thơ hơn, để nhận ra hai chữ *chinh nhân* và *chính đồ*: *Khách đi xa và đường xa vắng* là những chữ nói về một con người tự do. Nếu người đó là tù nhân, vì lý do gì mà lính gác bắt anh ta phải đi ngày đi đêm như thế, nhất là lính gác ở đây là lính Quốc Dân Đảng, "ăn bám" và "lười biếng" ? Người ta còn gắng sức hiểu rằng "màu trắng đã thành hồng" là báo trước sự thành công của cách mạng, của bộ đội đỏ.v.v... làm như bình minh ở chỗ khác thì phải bắt đầu bằng màu xám vậy! Ấy là chưa nói phò từ *tảo* của nguyên tác (nghĩa là sớm) đã bị ngang ngược đổi thành động từ *tảo* có nghĩa là quét. Đặt đầu đề theo mình chứ không theo tác giả, sửa lại

chính văn của nguyên tác để tăng cường màu sắc cách mạng cho câu thơ, đó là cách làm việc của Viện Văn Học!

Già Lý có nhiều kỷ niệm với vùng đất khô cằn này (bài số 40):

Vùng này đất rộng, ruộng khô cằn.

Bởi vậy, nhân dân kiệt lại cằn.

Nghe nói xuân này trời đại hạn,

Mười phần thu được vài ba phần.

Vùng này là vùng núi, địa bàn hoạt động của già Lý, thế mà Viện Văn Học đã bắt bài thơ phải mang cái tên là *Long An Đồng Chính* (bài số 40) để bài thơ phù hợp với một địa điểm trong hành trình gán cho Hồ chí Minh (từ Quả Đức không theo đường cũ nữa, mà rẽ xuống phía Nam, đến Long An trên sông Hữu Giang). Nhóm Lê trí Viễn đã sửa lại cách hiểu sai trái này và tuy không thay đổi nhan đề của bài thơ, các nhà biên soạn trong nhóm đã sắp lại vị trí của bài thơ này đúng với mục lục ghi trong nguyên tác. Việc làm nhẹ nhàng này nhìn chung như không có gì quyết liệt, nhưng đối với những nhà văn bản học là một hành động sáng suốt, có tính khoa học cao, có tác dụng làm cho các nhà biên soạn đi sau có những căn cứ tốt để tiến hành nghiên cứu.

Tuy nói rằng vùng núi là một vùng đất khô cằn, nhưng già Lý đôi khi cũng cho biết vì cằn và kiệt nên nông dân đã sống nhiều ngày sung sướng:

CẢNH ĐỒNG QUÊ (bài số 35)

Hồi ta đi đến lúa còn xanh.

Vụ gặt mùa này nữa đã thành,

Khắp chốn nhà nông cười hớn hở,

Ruộng đồng bát ngát tiếng ca thanh.

Lúa còn xanh, tức là lúa mới đâm lá, chưa trở bông, vào khoảng tháng tám. Đền mùa này, tức là vào mùa gặt tháng mười, tháng mười một, phải là vào một thời gian ít nhất là 3 tháng, thế mà tính ra, Hồ chí Minh bị bắt vào cuối tháng tám, đến Điền Đông sau ngày song thập (10.10), ước vào khoảng trung hay hạ tuần tháng mười, vì từ Điền Đông đi Long An rồi Đồng Chính còn xa, mà tới Đồng Chính mới là ngày 2.11. Vậy từ khi "tác giả" sang Trung Quốc, tới ngày lúa gặt được, mới khoảng một tháng rưỡi, lúa chưa trở bông và mùa gặt không thể đến mau như thế được. Đây là nhận xét của nhóm Lê trí Viễn trong lời chú bài *Dã cảnh (Cảnh đồng quê. bài số 35)*. Lời chú gắng giải thích sự phù hợp về thời gian của bài thơ đúng với hành trình của Hồ chí Minh, nhưng với điều kiện là phải hiểu nhóm từ *hòa thượng thanh* (lúa còn xanh) là "lúa đã trở bông, nhưng hãy còn xanh". Điều kiện này không thể thỏa mãn được vì nó ở ngoài khung cảnh của bài thơ, do đó, ta phải coi lời chú thích của nhóm Lê trí Viễn như là một lời đính chính đối với cách làm việc bê bối của Viện Văn Học. Và lại nữa, không cần phải giải thích một cách quá tỉ mỉ như nhóm Lê trí Viễn, chỉ cần căn cứ vào lời thơ ta cũng biết được rằng người viết bài thơ này không phải là người bị tù. Câu đầu "*Hồi ta đi đến lúa còn xanh*", cách nói kênh kiêu, cứ cho là của một anh tù nào đó đi, câu 2: "*Vụ gặt mùa này nữa đã thành*", anh đến rồi anh đi, anh đi rồi anh trở lại, hai thời gian khác nhau nhưng liên hệ chỉ tới một người, như vậy hành động của anh quá tự do, anh đâu có phải là người bị cầm tù? Anh phải là một người

trong vùng mới sung sướng cái sung sướng của nông dân, mới nghe được tiếng hò của họ lan xa trên đồng ruộng. Gán cho Hồ chí Minh là tác giả của bài thơ này là một hành động thiếu suy nghĩ!

Già Lý còn giới thiệu cho ông Nguyễn đi vào đời sống thân mật của địa phương. Đây là một hàng cháo bên đường, một "tửu lâu" của những người thích nhậu:

HÀNG CHÁO (bài số 36).

Mép lộ, dưới lùm cây bóng mát,

Lều tranh một túp, ấy "nhà hàng "

Thực đơn: cháo nguội, muối ăn trắng,

Năng đến ngồi đây, khách quá giang.

Tác giả trịnh trọng gọi hàng cháo là *nhà hàng* (nguyên tác: *Tửu lâu* vì tuy chỉ là một hàng cháo nhỏ bên đường, nhưng vì tác giả là khách quen, lại đến đây không phải là để ăn cháo, mà là để uống rượu (trong bài số 20, già Lý cho biết ông nghiện rượu), nên ông vui lòng gọi tầng bậc là *tửu lâu*, là *quán rượu* (mà tôi dịch là *nhà hàng* theo ngôn ngữ miền Nam). Nhóm Lê trí Viễn đã hiểu bài thơ theo ý hướng này, cho nên khi chú thích chữ *tạm* trong câu 4, các nhà biên soạn đã viết: "Tạm: một lúc, chốc lát, chỉ cái thời gian ngắn mà khách vào hàng nghỉ ăn cháo. Từ *tạm* đây không phải là tạm bợ, hững hờ, như ăn tạm bát cháo cho đỡ đói. Nếu giải nghĩa như thế, sẽ làm giảm cái giá trị "tửu lâu" và "thực phả" (thực đơn) ở trên. Tinh thần chỗ này là: Hàng cháo mang danh là quán rượu và có thực đơn hàng hoàng nên lâu nay được khách hàng mến, thường vào nghỉ ăn trong chốc lát, dù chỉ có bát cháo và đĩa muối cũng cảm thấy ngon lành và no nê. Như thế mới thật hài hước". Viết thêm hai chữ *hài hước*, nhóm Lê trí Viễn muốn lách theo cách giải thích của Viện Văn Học, mục đích làm giảm bớt sự kịch liệt mà nhóm vừa biểu lộ trong thái độ phê bình quan điểm của Viện này. Nhưng thông báo của nhóm đã được truyền đạt: Tác giả bài thơ vẫn thường đến quán nhậu, vậy không thể là Hồ chí Minh, người tù chỉ được đi qua nhà hàng này một lần (khi bọn lính "bê tha" của Quốc Dân Đảng vào đây nghỉ chân), làm sao biết được là khách quá giang vẫn thường vào đây ?

Già Lý đã được ông Nguyễn (tức Hồ chí Minh sau này) khen là "rất tử tế với người nghèo". Ta vừa có dịp nhận xét lòng tử tế của ông đối với một hàng cháo nhỏ bên đường, với bác phu lục lộ vất vả ngày đêm (bài 78).

PHU LỤC LỘ

Dãi gió dầm mưa chẳng lúc ngơi,

Đắp đường, phu tận tụy không rời.

Ngựa xe kéo đến người đi đó.

Cảm tạ công anh có mấy người

Đọc câu thơ cuối cùng này, ta đồng ý với họ Nguyễn khi ông ca tụng lòng nghĩa hiệp của già Lý: "Lý khá ác với người giàu, nhưng rất tử tế với người nghèo". Cùng một lòng tử tế ấy, lòng nhân ái mệnh mông ấy, cụ khen ngợi công lao của chú gà (bài số 56):

NGHE GÀ GÁY

Mi là một chú gà bình thường,

Báo sáng, ban mai gáy rộn ràng.

*Một tiếng gáy, toàn dân tỉnh mộng,
Công lao mi đó, phải đâu xoàng?*

Ngay cả cột cây số vô tri cũng được lòng nhân ái bao la của già Lý làm cho linh hoạt, cụ nói với cột cây số như nói với người (bài số 80):

CỘT CÂY SỐ

*Chẳng cao cũng chẳng xa,
Không đế cũng không vương,
Nho nhỏ một phiến đá,
Trơ trọi đứng bên đường.
Người nhờ anh chỉ lối
Không lạc hướng lạc phương.
Anh giúp cho người thấy
Đường ngăn lại dậm trường.
Công anh đâu có nhỏ
Ai ai cũng nhớ thương.*

Khi nói về tình thương của Hồ chí Minh trong *Ngục Trung Nhật Ký*, Hoài Thanh viết: "Ai đau khổ là Bác thương. Đói, rét: Thương. Buồn, nhớ: Thương". Hoài Thanh nói rất đúng, nhưng chẳng nhẽ một nhà phê bình tiếng tăm như Hoài Thanh lại không thấy rằng, ngoài những tình thương chung chung kia, tác giả *Ngục Trung Nhật Ký* còn để cho lòng thương của mình lan rộng đến cả loài vật đến cả những vật vô tri vô giác nữa, như vậy, tình thương ấy có tính giai cấp nữa không, có tập trung vào những người cùng có một địa vị giống như của tác giả trong hệ thống sản xuất không? Nhất định là không, và quan niệm siêu giai cấp này không thể là của Hồ chí Minh, mà là của già Lý. Chính già Lý đã khẳng định quan niệm siêu giai cấp của mình trong bài số 91:

NỬA ĐÊM (Dạ bán)

*Ngủ thì ai cũng thuận lương lương.
Tỉnh dậy thì phân dữ với lành.
Lành dữ vốn là không định trước,
Phần nhiều do giáo dục mà thành.*

Đọc bài thơ này, Hoàng trung Thông viết: "Đừng tưởng lòng thương yêu của Bác ở đây là siêu giai cấp". Rồi ông bênh vực quan điểm giai cấp của Hồ: "Thử hỏi có ai như Bác trong thơ đã thể hiện một lòng thương yêu giai cấp sâu sắc đến như thế. Đó là lòng thương yêu cách mạng cao cả nhất, vì thương yêu không phải để mà thương yêu, mà chính là để hành động, để phá tan nổi bất bình, phá tan xã hội cũ, xây dựng một xã hội mới công bằng hơn, tốt đẹp hơn, một xã hội mà chúng ta đang ra sức xây dựng ngày nay". Hoàng trung Thông đã phát biểu một ý kiến rất sâu sắc về tình thương cách mạng: "đó là lòng thương yêu cách mạng cao cả nhất, vì thương yêu không phải để mà thương yêu". Như vậy, tình thương yêu cách mạng tự nó không có đối tượng hay sao? Nếu người ta không thương yêu theo cùng đích của lòng thương thì làm sao đi đến hành động thương yêu? Vấn đề do Hoàng trung Thông đưa ra phát xuất từ một quan điểm thực dụng thô sơ mà thế giới ngày nay đã bác bỏ. Lời bênh vực của ông nhằm cứu vãn quan niệm siêu giai cấp của tác giả *Ngục Trung Nhật Ký* không thể chấp nhận được, đó chỉ là những lời bênh vực gượng gạo mà

nếu biết rằng bài thơ đó không phải là của Hồ chí Minh thì chắc hẳn họ Hoàng sẽ chối bỏ tức khắc.

Chẳng những tư tưởng của già Lý có tính siêu giai cấp, nó còn mang tính duy tâm luận rất đậm đà. Ngay trong bài số 1, đề là *Ngục Trung Nhật Ký*, cụ đã tỏ ra duy tâm triệt để:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao.
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.*

Trong bài thơ này, từ *tinh thần* được dùng hai lần, mỗi lần có ý nghĩa khác nhau. Trong câu 2: "Tinh thần ở ngoài lao" phải được hiểu theo cách giải thích của Đặng thai Mai là: "một thực thể siêu hình, có khả năng làm chủ thế giới vật chất. Vật chất là tạm bợ, và nhất thời, là có hạn trong không gian, trong thời gian, vật chất sẽ hủy hoại tiêu tan. Còn tinh thần, tinh thần là cao cả, thiêng liêng có sức vạn năng và không bao giờ chết. Đó là quan điểm của các nhà thơ, nhà văn yêu nước đã nhen nhóm lên phong trào chống Pháp sôi nổi...dưới sự lãnh đạo của Hội Duy Tân và Hội Việt Nam Quang Phục...Về sau, khái niệm vật chất được gắn vào đời sống xa hoa ăn ngon mặc tốt, cửa rộng nhà cao. Về tinh thần lại chỉ là đạo đức thông thường của Đạo Khổng. Các nhà cầm bút chỉ mơ tưởng tới cái xã hội hoàng kim không hề có...Thì cũng là một ảo tưởng tày đình thôi?...Qua tập *Ngục Trung Nhật Ký*, chúng ta thấy rằng: Tinh thần không hề có ý nghĩa siêu hình, tinh thần không tách rời ra ngoài thể phách con người..."

Vì lý do viết và lách, nhà văn Đặng thai Mai tỏ ra khó hiểu và có vẻ như mâu thuẫn trong lý luận của ông, thực ra, ông chỉ viết (tức là chỉ nói thực) khi ông luận về tinh thần như là thái độ, ý nghĩ định hướng cho hoạt động, quyết định hành động của con người, tức là ông chỉ căn cứ vào từ tinh thần theo nghĩa thứ hai trong bài thơ, câu 4: *Tinh thần càng phải cao*. Từ *tinh thần* này chỉ biểu diễn một thái độ, một ý nghĩ như trong bài *Tự miễn* (số 34): *Tai ương cứ bắt ta ra luyện, Càng khiến tinh thần lại khẩn trương*, hoặc trong bài *Tứ cá nguyệt liễu* (số 93): *Vật chất tuy đau khổ, Không dao động tinh thần*. Nhà văn họ Đặng đã khôn khéo chỉ rõ từ "tinh thần ở ngoài lao" hiển nhiên có nghĩa là một thực thể siêu hình, có khả năng làm chủ thế giới vật chất, từ *tinh thần* này chỉ có mặt trong bài số 1 là bài được viết vào *Ngục Trung Nhật Ký* như là một bài tựa riêng rẽ chứ chưa nhất định đã là của tác giả, và do đó đã bị Đặng thai Mai gạt ra ngoài vì từ *tinh thần* ấy chứa đựng một nội dung triệt để duy tâm. Nếu gán bài thơ này cho Hồ chí Minh tức là đã hoàn toàn đi ngược lại triết học Mác-xít Lê-nin-nít mà Hồ đã có công truyền bá ở Việt Nam. Sau khi phân biệt tinh thần là một thực thể siêu hình, phi vật chất, bất tử, có thể tự tách ra ngoài thân thể (câu 2) và tinh thần là một thái độ, một ý nghĩ định hướng cho hành động (câu 4), Đặng thai Mai đã mặc nhiên phủ nhận Hồ chí Minh, nhà vô thần duy vật, như là tác giả của bài thơ nặng mùi duy tâm trên mà tôi cho là của già Lý.

Già Lý còn duy tâm hơn nữa trong ba bài thơ số 9, 34 và 113.

BUỔI SỚM II

Sớm dậy, mọi người tranh bắt rận.

*Tám giờ, kèng đánh báo cớm mai.
Khuyên anh cứ chén cho no đã.
Khổ hết vui về, ắt chẳng sai.*

TỰ KHUYÊN MÌNH CỐ GẮNG
*Không cảnh đông hàn, sắc võ vàng
Sẽ không xuân ấm vẻ huy hoàng.
Tai ương cứ bắt ta ra luyện,
Càng khiến tinh thần lại khẩn trương.*

TRỜI QUANG MÂY TẠNH
*Sự vật tuần hoàn nguyên đã định
Mưa tan, nắng hửng, tất nhiên thôi.
Một giây, vũ trụ thay màn ước
Muôn dặm, sơn hà trái gấm phơi.
Nắng ấm, hoa tươi, luồng gió thoảng.
Cây cao. cành mượt, tiếng chim rơi.
Người theo vạn vật càng sôi nổi,
Hết khổ là vui, vốn lẽ trời.*

Tính duy tâm luận của mấy bài thơ này là hiển nhiên, vì thuyết tuần hoàn luận thoát thai từ Nho Học, Đạo Học và Phật Học, giải thích số mệnh con người là do trời định sẵn, con người không cưỡng lại được, chỉ ngồi chờ định mệnh an bài. Thuyết tuần hoàn luận trái ngược hẳn với chủ nghĩa xã hội, do đó bị các nhà duy vật Mác-xít kết án. Thuyết tuần hoàn cũng không có liên quan đến chủ nghĩa lạc quan cách mạng, bởi vì thuyết trên tạo ra những con người tiêu cực, tin tưởng vào các lực lượng thần bí bao nhiêu thì thuyết dưới tạo ra những con người tích cực, tin tưởng vào các lực lượng khoa học bấy nhiêu. Cũng vì hiểu như thế mà các nhà biên soạn của Viện Văn Học đã phải dịch chữ *tuần hoàn* trong bài 113 là *xoay vần*. Và dịch chữ *lý tự nhiên* là *vốn lẽ đời* trong khi nhóm từ *lý tự nhiên* phải dịch là *vốn lẽ trời* mới đúng ý tác giả. Phải xoay sở câu thơ cho đúng tư tưởng của “nhà chiến sĩ cộng sản vĩ đại” nên các dịch giả đã phải muối mặt buồn văn bán chữ.